

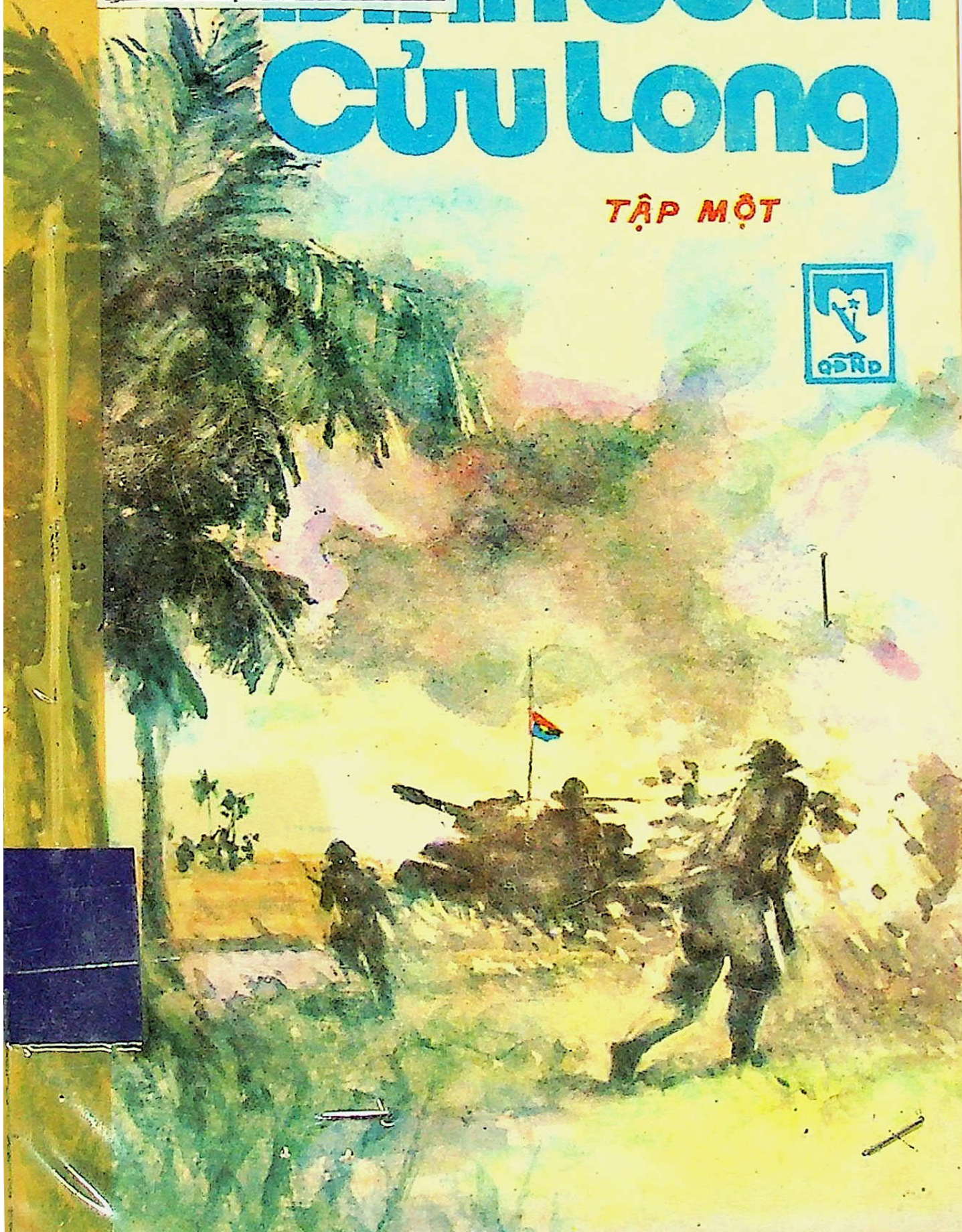
959.704 332 2

ĐC

B 312 Đ

Đoàn Cửu Long

TẬP MỘT



**BINH ĐOÀN
CỬU LONG**



NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

355V (09)

BINH ĐOÀN CỨU LONG — Tập 1 — Viết về thời kỳ ra đời, xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đoàn 4 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. H. Quân đội nhân dân — 1989.

355V (09)

BINH ĐOÀN CỬU LONG

ẤP I



000801

NHÀ (UẤT BẢN
QUÂN Ệ II NHÂN DÂN
Hà Nội ★ 1989

Chỉ đạo nội dung

ĐẢNG ỦY — BỘ TƯ LỆNH QUÂN ĐỘI 4

Sưu tầm tư liệu và viết:

PHAN XUÂN — HỒ SĨ LƯƠNG

PHẠM XUÂN TRỌNG — LÊ VĂN CHUN

Viết, hoàn chỉnh bản thảo:

NGUYỄN QUỐC DŨNG

Chúng ta vô cùng tự hào với miền Nam anh hùng của dân tộc ta.. Suốt hai mươi năm trời, đồng bào miền Nam ta đã không ngừng đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc. Hết chống thực dân Pháp lại chống đế quốc Mỹ, lực lượng yêu nước miền Nam đã vượt mọi gian khổ, khó khăn, càng đánh càng mạnh, càng mạnh càng thắng. Thật xứng đáng với danh hiệu Thành đồng của Tổ quốc ..

HỒ CHÍ MINH

**Báo cáo tại Hội nghị chính trị
độc biệt tháng 3-1964.**

LỜI NÓI ĐẦU

Dã từ nhiều năm nay, các thế hệ cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 4 mong muốn có một cuốn sách ghi lại lịch sử xây dựng và chiến đấu của đơn vị mình. Nhưng việc lịch sử là một việc làm khó khăn, đòi hỏi nhiều công phu. Trong khi đó, sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Quân đoàn 4 lại bước ngay vào cuộc chiến đấu mới, tham gia bảo vệ biên giới tây nam Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế trên đất nước Campuchia anh em. Do đó, chưa có điều kiện và thời gian để thực hiện nguyện vọng thiết tha đó.

Đến nay, được sự tham gia nhiệt tình, đầy trách nhiệm của các cán bộ, chiến sĩ đã từng chiến đấu trong đội hình quân đoàn, sự giúp đỡ của nhiều cơ quan, đơn vị trong và ngoài quân đội, cuốn « Binh đoàn Cửu Long » — tập I đã được hoàn thành.

Cuốn sách viết về thời kỳ hình thành, xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đoàn 4 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, một chặng đường lịch sử khá dài, có nhiều sự kiện rất phong phú, gắn liền với các bước phát triển của cuộc chiến đấu của quân và dân cả nước, đặc biệt là quân và dân chiến trường Nam Bộ và cực nam Trung Bộ. Do điều kiện tư liệu chưa đầy đủ và trình độ nghiên cứu, thể hiện của người viết có hạn, cuốn sách không tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp, phê bình của các đồng chí và bạn đọc để khi có điều kiện thì sửa chữa, bổ sung.

Nhân cuốn « Binh đoàn Cửu Long » — tập I được xuất bản vào dịp kỷ niệm lần thứ 15 ngày thành lập Quân đoàn 4 (20-7-1974 — 20-7-1989) Đảng ủy, Bộ tư lệnh Quân đoàn 4 xin chân thành cảm ơn các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân Nam Bộ và cực nam Trung Bộ (chiến trường B2 cũ), các cán bộ, chiến sĩ đã từng chiến đấu trong đội hình quân đoàn, liên lịch sử quân sự, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân đã nhiệt tình giúp đỡ Quân đoàn 4 trong quá trình biên soạn và xuất bản cuốn sách này.

Thiếu tướng VŨ VĂN THỰC

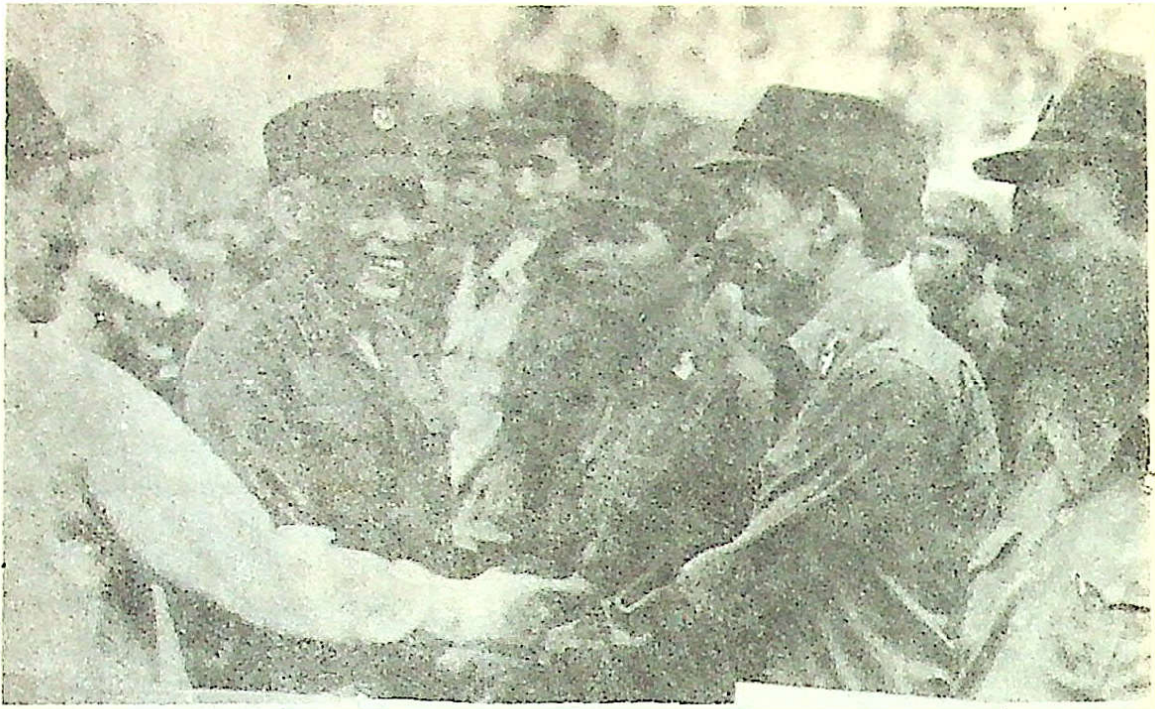
Tư lệnh Quân đoàn 4



Chủ tịch Tôn Đức Thắng đến thăm quân đoàn tháng 1 năm 1976.



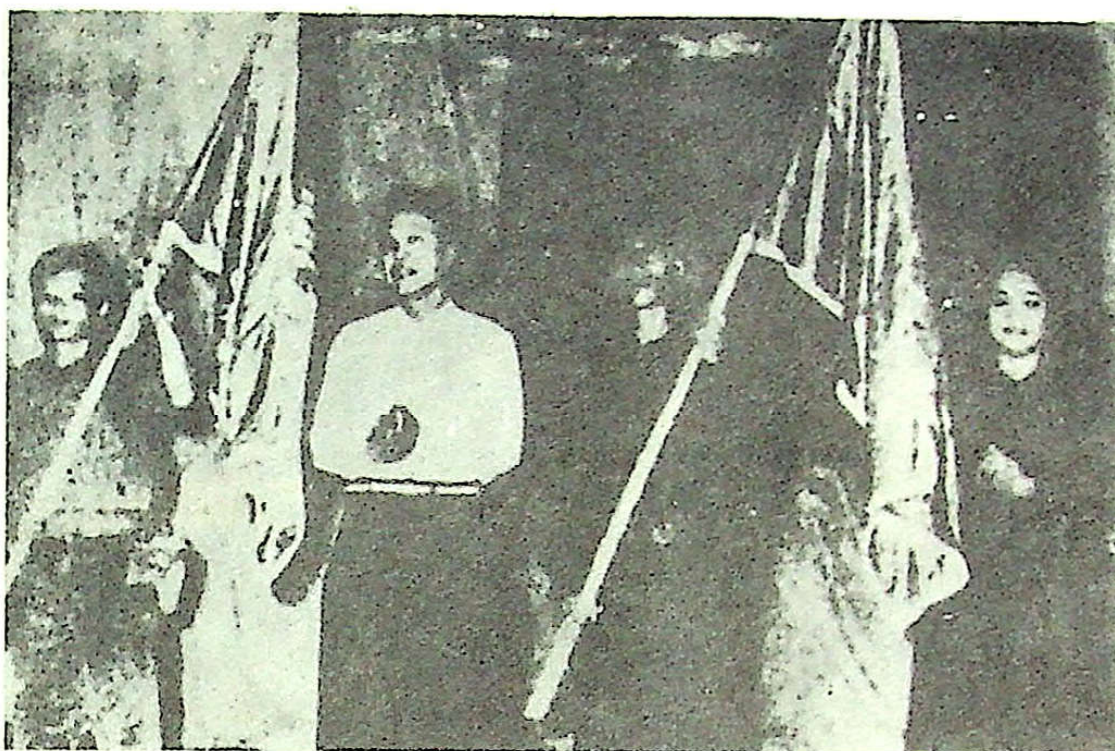
**Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến thăm quân đoàn Xuân Bình
Thìu năm 1976.**



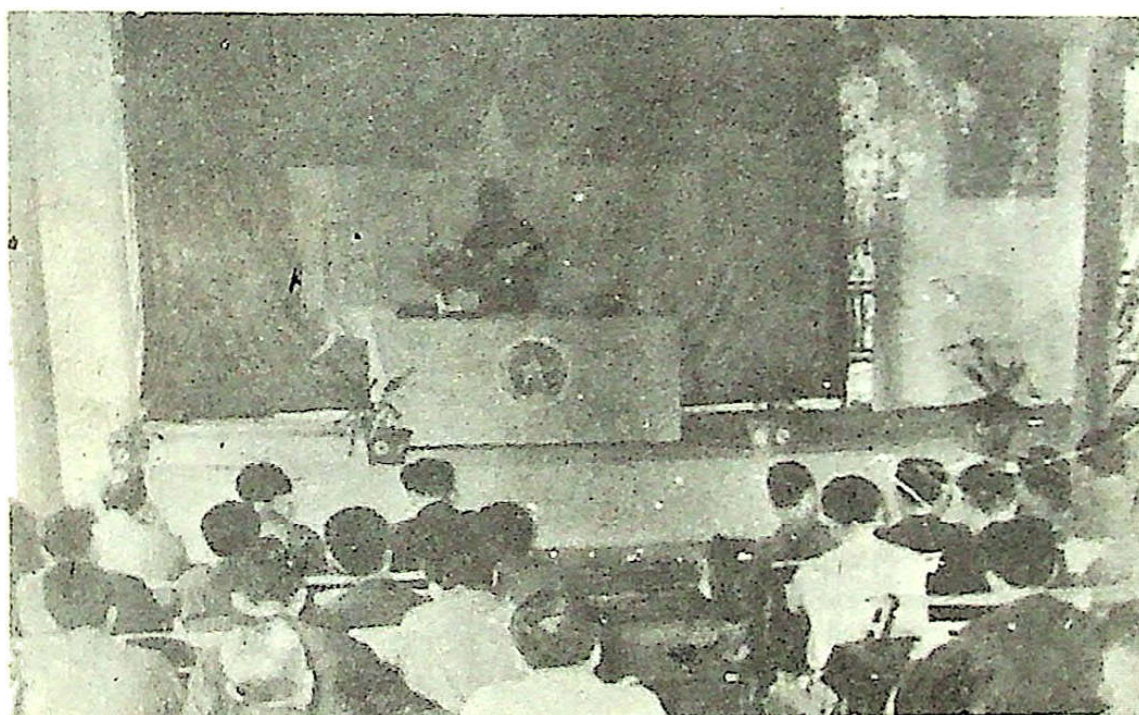
Đại tướng Văn Tiến Dũng thăm quân đoàn sau mùa Xuân Đại thắng.



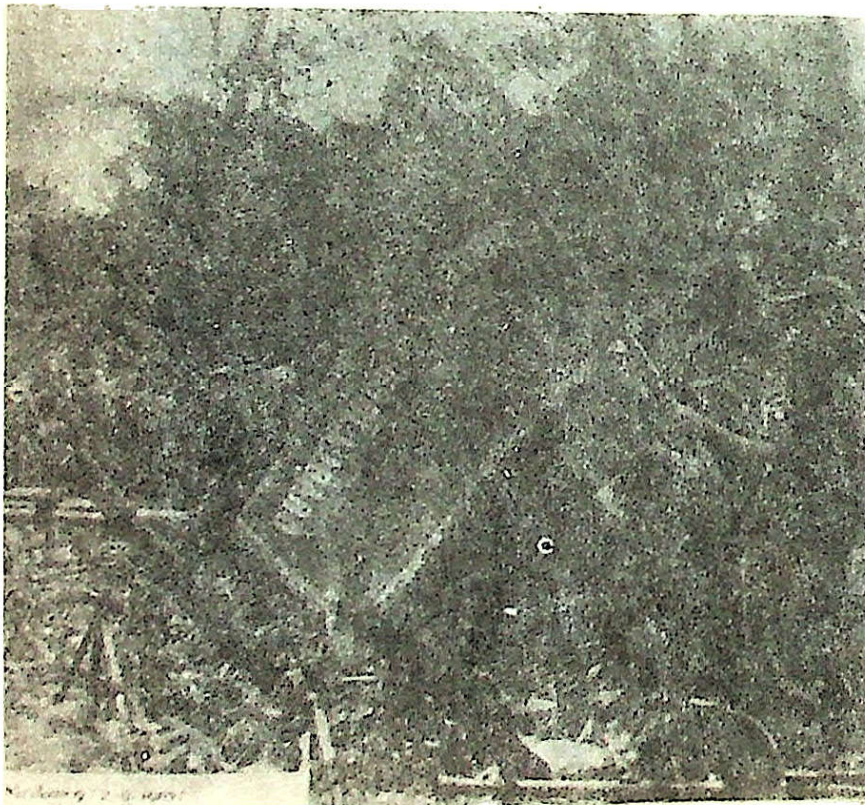
Đồng chí Lê Đức Anh thăm và nói chuyện với hội nghị các bộ Đảng toàn quân đoàn.



Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ trao cờ thương của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam cho Trung đoàn Bình Giả.



Hội nghị cán bộ quân chính toàn quân đoàn lần thứ nhất (10-1974) tại căn cứ Bà Chiêm (Tây Ninh).

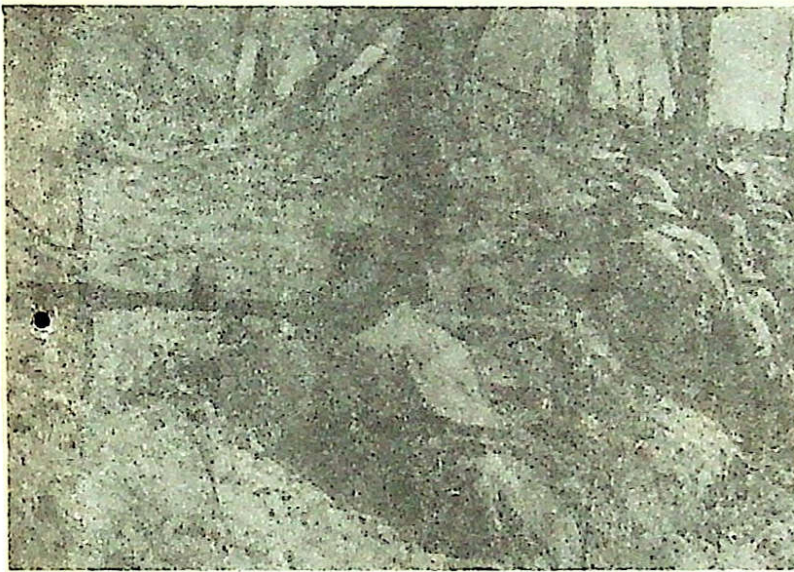


Các chiến sĩ trung
đoàn 209 sư đoàn 7,
vượt Trường Sơn vào
chiến trường B2.

Lễ thành lập sư đoàn
9 ngày 2 tháng 9 năm
1965.



Một tờ chiến đấu của
sư đoàn 9 đánh địch
trong thành phố Sài Gòn
Tết Mậu Thân năm 1968

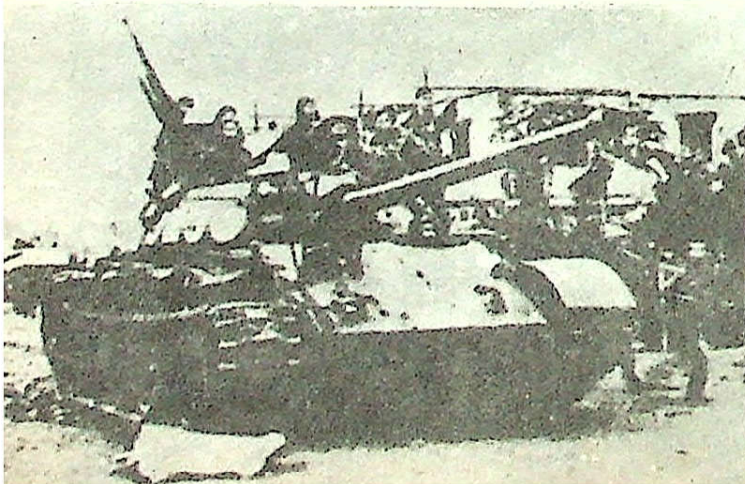
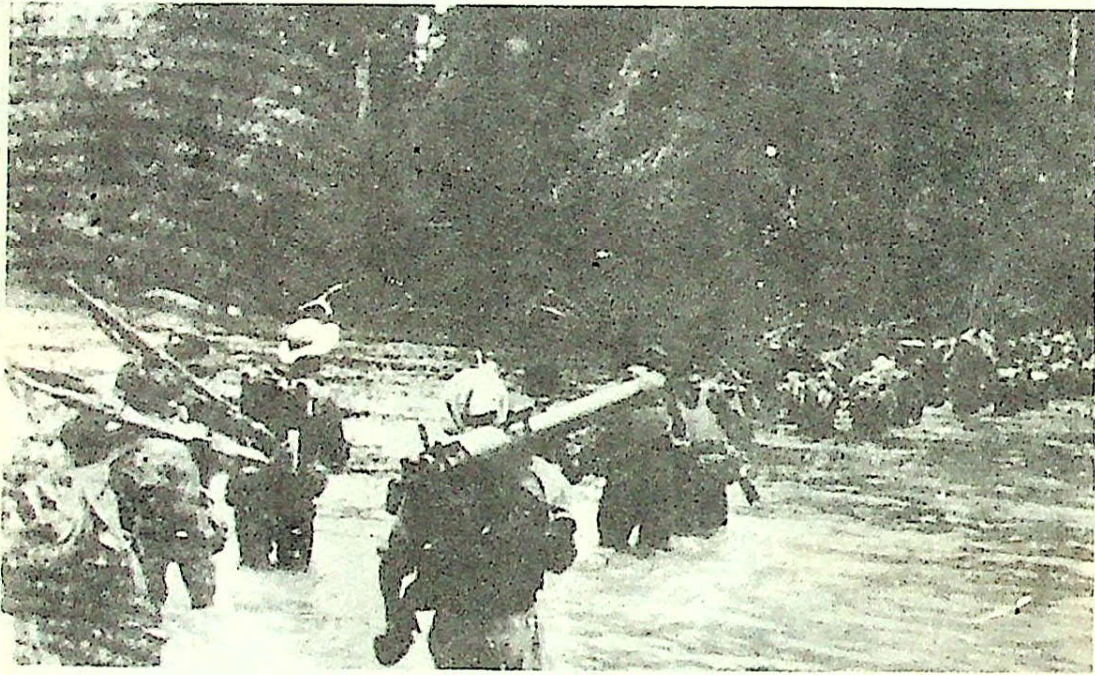
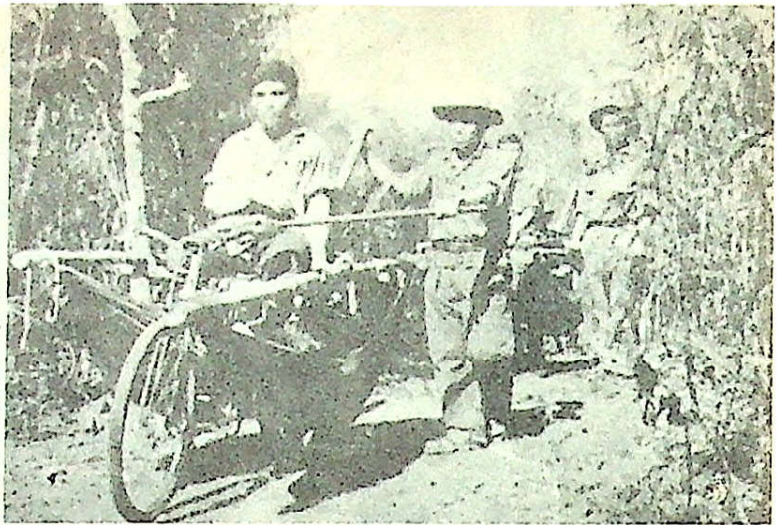


Chốt thép Tàu Ô—
Nóm Ruộng của sư đoàn
7 (chiến dịch Nguyễn
Huệ năm 1972).

Tù binh Mỹ nguy bị
sư đoàn 9 bắt trong trận
Bình Long tháng 6 năm
1972.

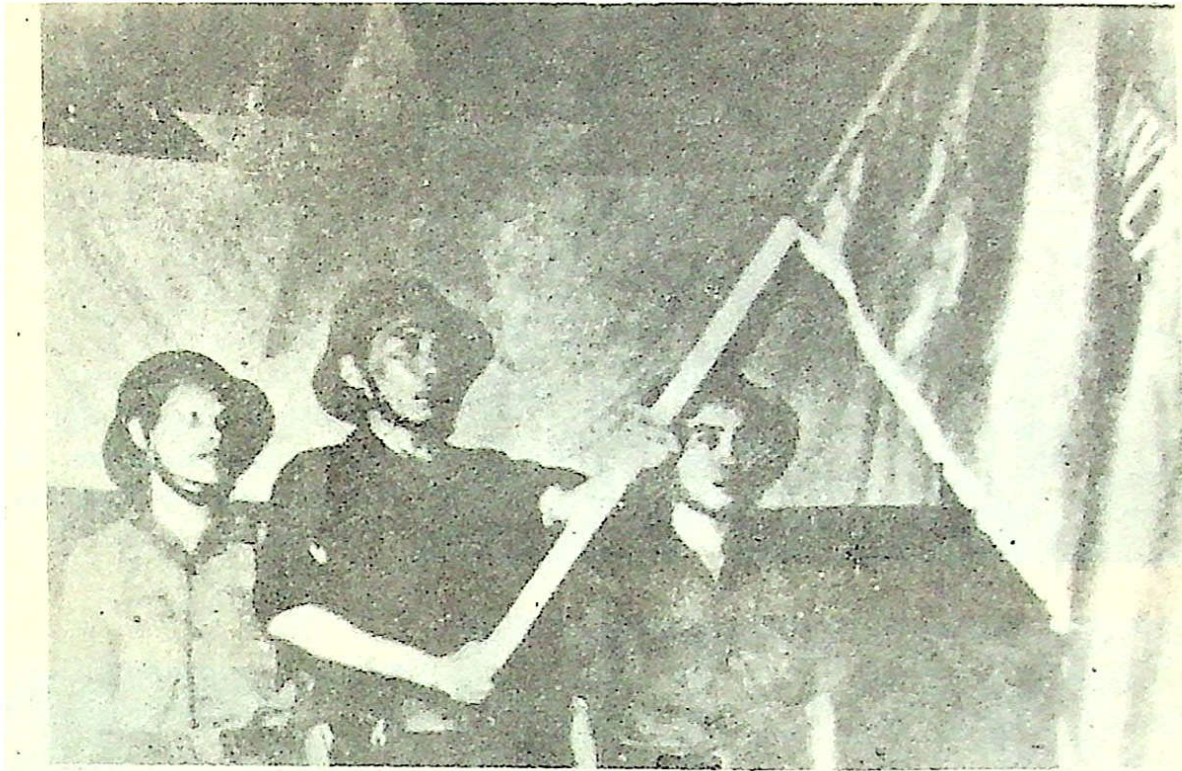


Chiến sĩ vận tải sư
đoàn 9 đưa thương binh
về phía sau điều trị.

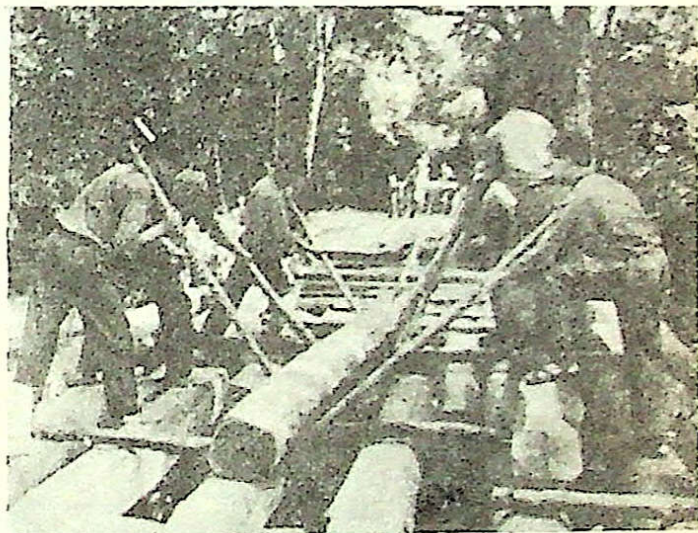


Sư đoàn 7 vượt Sông
Bé tiến về giải phóng
Phước Long.

Đội 7, sư đoàn 7
cùng xe tăng đoàn M26
thọc sâu đánh chiếm
đỉnh tỉnh trưởng Phước
Long.



Lễ đón nhận huân chương Quân công hạng nhất sau chiến dịch Đường 14 — Phước Long.



Công binh lữ đoàn 25 làm cầu phục vụ chiến dịch.

Nhân dân vùng giải phóng vận chuyển lương thực cho đơn vị.



Sư đoàn 9 cùng bộ đội địa phương đánh chiếm chi khu quân sự Trị Tâm (Đầu Tiếng).

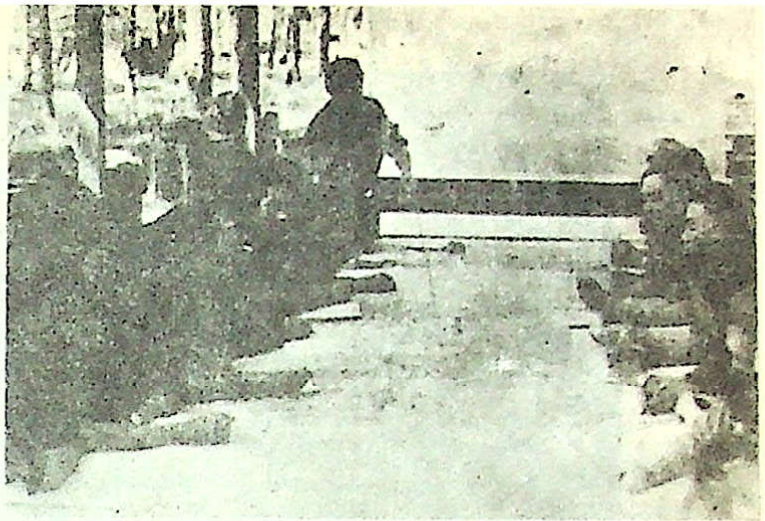
Sư đoàn 7 đánh chiếm chi khu quân sự Định Quán.



Sư đoàn 7 tiến công Xuân Lộc.



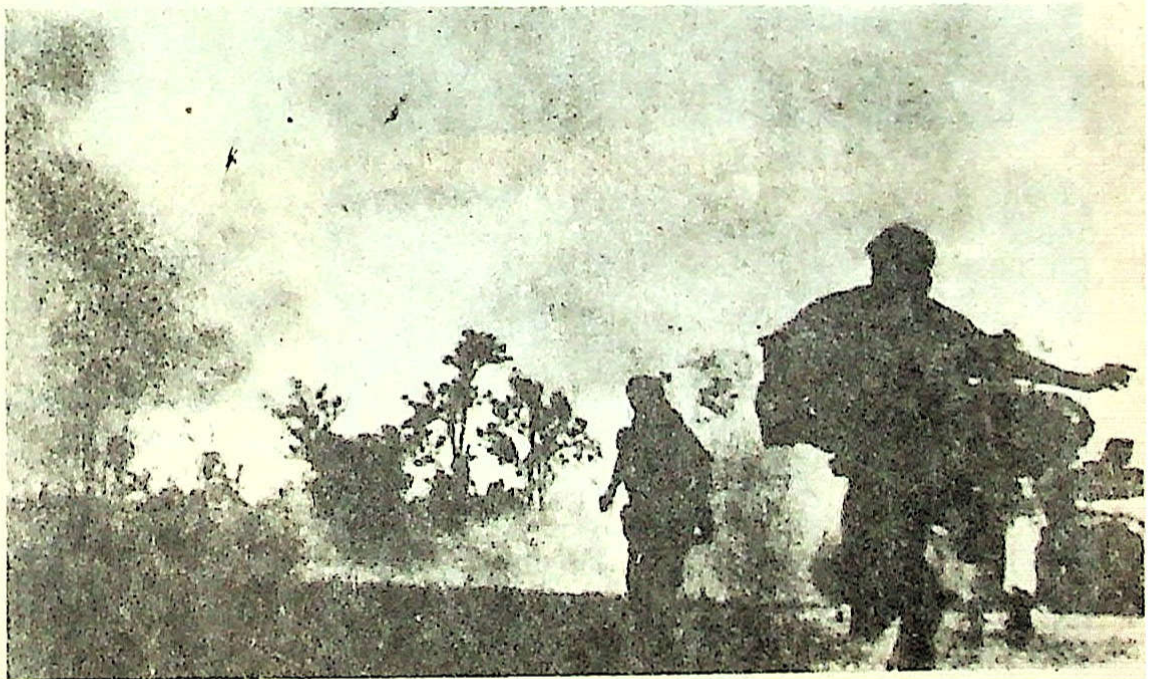
Bộ tư lệnh Quân đoàn 4
phổ biến quyết tâm chiến
dịch Hồ Chí Minh.

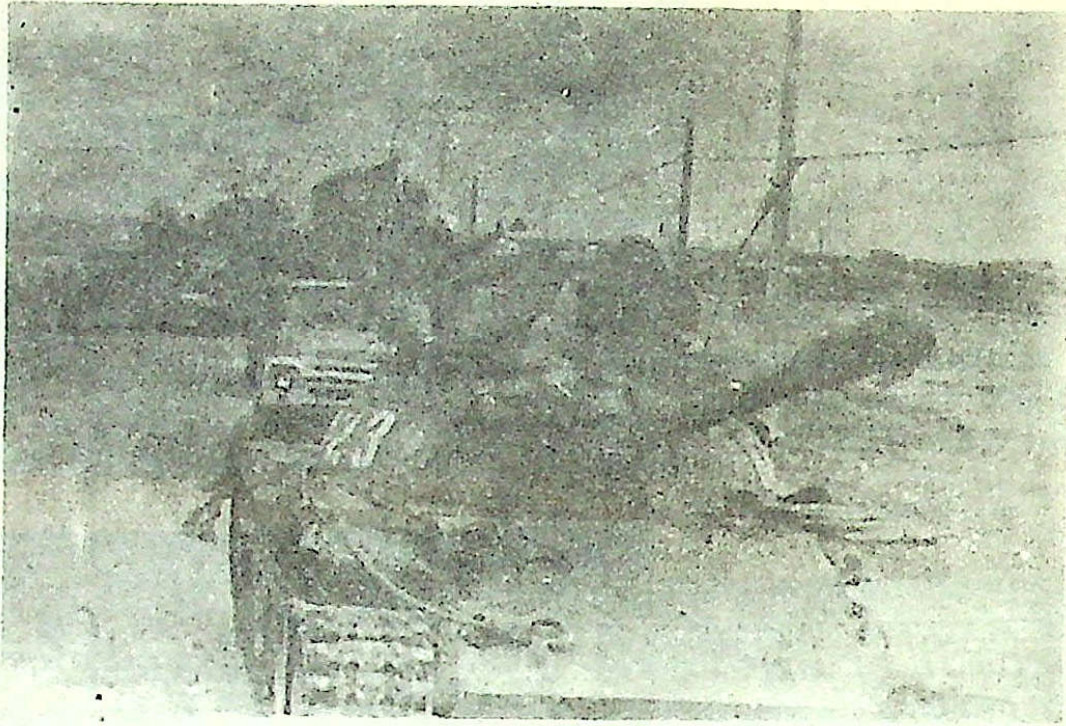


Thiếu tướng tư lệnh quân
đoàn trao Quân kỳ quyết
thắng cho tư lệnh sư đoàn
7 trong chiến dịch Hồ Chí
Minh.



Sư đoàn 341 tiến công chi
khu quân sự Trảng Bóm.





Tiến vào Sài Gòn dọc
theo quốc lộ 1.



Sư đoàn 9 trên đường
tiến vào Sài Gòn 30-4-
1975

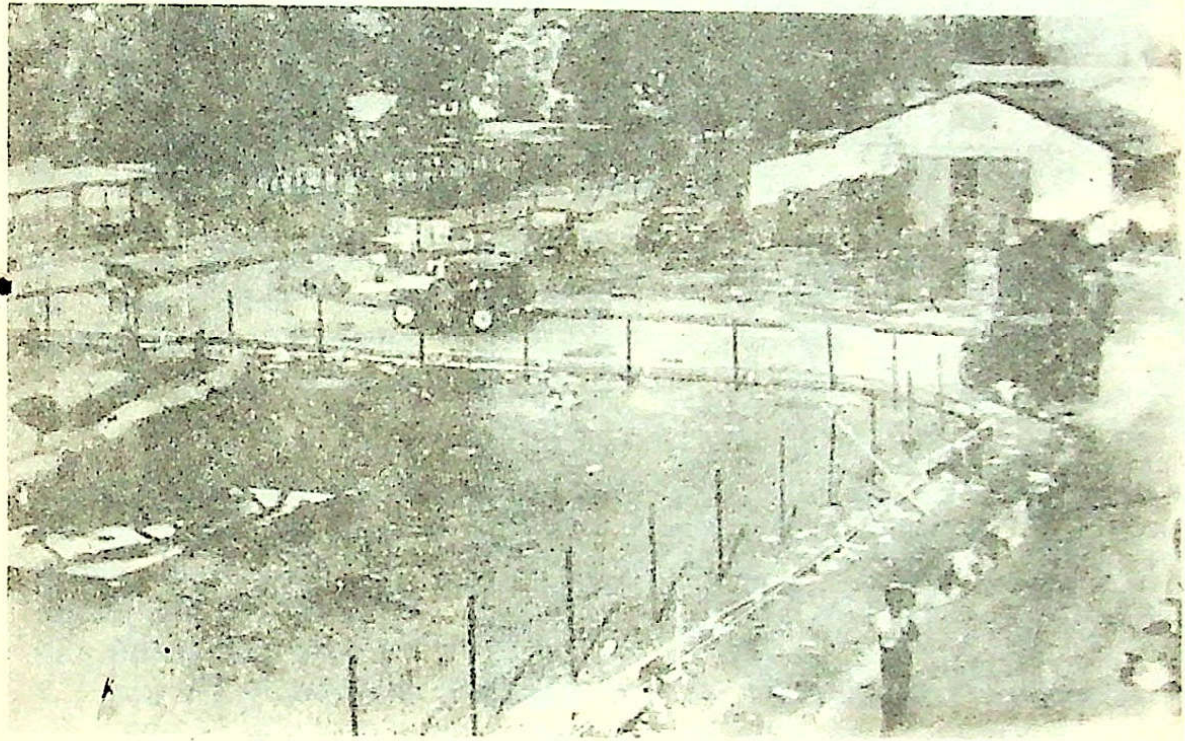


Tiến vào « dinh Độc lập »
ngày 30-4-1975.



Các chiến sĩ tiểu đoàn 8, trung đoàn 209 làm nhiệm vụ quân quản thành phố Sài Gòn.

Sư đoàn 9 đánh chiếm biệt khu thủ đô ngày 30-4-1975.



Trạm phẫu tiên phương cấp cứu thương binh tại mặt trận Xuân Lộc.





Anh hùng lực lượng vũ
tràng nhân dân Tạ
Quang Tỹ với các chiến
sĩ mới.

Chiến sĩ đại đội 7, trung
đoàn 141 làm công tác
vận động quần chúng
trong thời kỳ làm nhiệm
vụ quân quản thành phố
Sài Gòn.

Bộ đội sư đoàn 9 tặng
gia sản xuất.



CHƯƠNG MỞ ĐẦU

VÙNG ĐẤT PHÍA NAM TÒ QUỐC – CHIẾC NÔI CỦA QUÂN ĐOÀN 4

B2 là tên gọi khu vực chiến trường gồm các tỉnh Nam Bộ và cực nam Trung Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đây là nơi Quân đoàn 4 đã ra đời, gắn bó máu thịt trong toàn bộ lịch sử xây dựng và chiến đấu của mình.

Ở vị trí phía nam của Tò quốc, nối liền với Tây Nguyên, Khu 5 ở phía bắc, đông bắc; tiếp giáp với Campuchia, với biển Đông và vịnh Thái Lan trên các hướng tây và đông nam, Nam bộ và cực nam Trung Bộ chiếm gần một nửa diện tích toàn miền Nam¹, có số dân bằng gần 70 phần trăm số dân của toàn Miền²

Nam bộ và cực nam Trung Bộ có ba vùng chiến lược: rừng núi, đồng bằng và đô thị.

1. Diện tích Nam Bộ và cực nam Trung Bộ là 84.747 ki-lô-mét vuông, so với 179.451 ki-lô-mét vuông diện tích toàn miền Nam.

2. Số dân Nam Bộ và cực nam Trung Bộ năm 1975 là 14 triệu so với 21,7 triệu của toàn Miền.

Vùng rừng núi kéo dài từ miền Đông Nam Bộ đến miền tây các tỉnh cực nam Trung Bộ, nối liền với nam Tây Nguyên. Đây là vùng đất tương đối cao, bằng phẳng, thuận lợi cho việc xây dựng và tác chiến của bộ đội chủ lực, xây dựng căn cứ và dự trữ vật chất, có điều kiện địa hình và cơ động tốt để thực hành đánh tiêu diệt lớn, là bàn đạp bao vây, uy hiếp và tiến công Sài Gòn.

Vùng đồng bằng gồm đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng các tỉnh miền Đông và dải đồng bằng nhỏ hẹp ven biển cực nam Trung Bộ. Địa hình đồng bằng thuận lợi cho việc phát huy hỏa lực (không quân, pháo binh) và do có nhiều sông, nhiều kênh rạch chằng chịt nên một mặt thuận tiện cho việc cơ động lực lượng bằng đường thủy, mặt khác, dễ bị chia cắt, bị phân vùng, phân tuyến. Xen kẽ trong vùng đồng bằng có những vùng rừng ngập mặn, vùng sinh lầy rộng lớn (như U Minh, Đồng Tháp Mười...), những nơi ta có thể che dấu lực lượng, xây dựng căn cứ kháng chiến. Với kinh tế sung túc, nhân lực dồi dào, vùng đồng bằng, nhất là đồng bằng sông Cửu Long là nguồn bổ sung sức người, sức của to lớn cho các lực lượng vũ trang, một địa bàn giành giật quyết liệt giữa ta và địch.

Vùng đô thị, gồm Sài Gòn. — Gia Định và các thành phố, thị xã khác như Biên Hòa, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Mỹ Tho, Cần Thơ, Vĩnh Long, Rạch Giá, Long Xuyên, Cà Mau, Đà Lạt... Các đô thị ở Nam Bộ và cực nam Trung Bộ thường nằm trên các địa bàn xung yếu, các trục giao thông chiến lược hoặc trên các bờ sông, liên kết với nhau bằng một mạng lưới giao thông thuận tiện, có nơi là đầu mối giao thông đường bộ, đường thủy, đường không (như Sài Gòn, Cần Thơ...). Các đô thị gắn chặt với nông thôn đồng bằng, gắn liền với hệ thống căn cứ quân sự, sân bay, hải cảng, kho tàng, trường trại...,

nơi tập trung toàn bộ cơ quan chỉ đạo, chỉ huy quân sự của địch, tập trung và dự trữ vật chất, phương tiện chiến tranh của chúng. Đây là vùng chiến lược rất quan trọng, nơi diễn ra những trận quyết chiến chiến lược, kết thúc chiến tranh.

Nam Bộ và cực nam Trung Bộ nối liền với Căm-pu-chia qua bốn con đường chiến lược. Quốc lộ số 1, số 13 và số 22 nối đông Nam Bộ với đông bắc Căm-pu-chia. Quốc lộ số 2 nối tây Nam Bộ với tây nam Căm-pu-chia. Ta và địch đều có điều kiện cơ động lực lượng và thực hành tác chiến lớn trên hai chiến trường qua những con đường chiến lược này.

Một đặc điểm quan trọng của chiến trường Nam Bộ và cực nam Trung Bộ là có một hệ thống sông, rạch, trong đó có những sông lớn như sông Mê Công, sông Vàm Cỏ, sông Sài Gòn...; có vùng biển rộng, bờ biển chạy dài từ Phan Rang tới Hà Tiên nối liền với đường hàng hải quốc tế từ tây Thái Bình Dương đến Ấn Độ Dương. Nối liền lục địa với đại dương là các cửa sông, bãi đỗ bộ, các đường xâm nhập từ biển vào qua các luồng lạch... Trong chiến tranh chống Mỹ, ta đã sử dụng thuyền, tàu nhỏ, bí mật chuyển vũ khí từ miền Bắc vào cất giấu ở các bến bãi trong các khu rừng ngập mặn, từ đó tiếp tế cho các đơn vị bộ đội chủ lực.

Nam Bộ và cực nam Trung Bộ có hai mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 và mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4. Về mùa mưa, nước ngập vùng đồng bằng. Sông suối ở miền Đông và cực nam Trung Bộ đầy nước. Do đó những cuộc hành quân, những chiến dịch và đợt hoạt động lớn thường diễn ra vào mùa khô.

Với vị trí và những đặc điểm như vậy, trải qua các giai đoạn lịch sử, Nam Bộ và cực nam Trung Bộ luôn luôn là địa bàn chiến lược xung yếu đối với Việt Nam và đối với

nam Đông Dương. Thực dân Pháp chiếm Nam Bộ làm bàn đạp xâm lược toàn bán đảo Đông Dương. Đế quốc Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn tổ chức chiến trường này thành hai quân khu, biệt khu Thủ đô và bố trí ở đây hai quân đoàn, hai sư đoàn thuộc lực lượng dự bị chiến lược và nhiều lực lượng quân sự, cảnh sát đóng giữ¹. Khi Mỹ đưa quân viễn chinh và quân một số nước chư hầu vào miền Nam, B2 cũng là chiến trường tập trung lớn binh lực, hỏa lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ.

Trong chiến trường B2, miền Đông Nam Bộ nằm ở vị trí bản lề giữa Nam Bộ, Cămpuchia, Tây Nguyên và Hạ Lào. Ở đây có thành phố Sài Gòn — Gia Định, trung tâm đầu não về chính trị, kinh tế, quân sự của địch; có một hệ thống đường cơ động ngang dọc chưa từng có ở Đông Dương, nhiều sân bay cấp một như Tân Sơn Nhất, Biên Hòa và có cảng biển Sài Gòn. Đây là chiến trường tập trung lớn binh lực, hỏa lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ ngụy, một khu vực sống còn đối với chúng.

Về phía ta, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, chiến trường B2 được tổ chức thành 4 quân khu: Quân khu 6 (cực nam Trung Bộ), Quân khu 7 (miền đông Nam Bộ), Quân khu 8 (miền trung Nam Bộ), Quân khu 9 (miền tây Nam Bộ) và đặc khu Sài Gòn — Gia Định. Cơ quan chỉ huy quân sự ở chiến trường là Quân ủy, Bộ chỉ huy Miền,

1. Quân khu 3 gồm 11 tỉnh (Gia Định, Biên Hòa, Bình Dương, Bình Long, Hậu Nghĩa, Bình Tuy, Long An, Long Khánh, Phước Long, Phước Tuy và Tây Ninh) do quân đoàn 3, hai sư đoàn dù, thủy quân lục chiến và lực lượng địa phương đóng giữ.

Quân khu 4 gồm 16 tỉnh (An Giang, An Xuyên, Bạc Liêu, Châu Đốc, Chương Thiện, Định Tường, Gò Công, Kiên Giang, Kiến Hòa, Kiến Phong, Kiến Tường, Phong Dinh, Vĩnh Long, Vĩnh Bình, Sa Đéc) do quân đoàn 4 và lực lượng địa phương đóng giữ.

đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Quân ủy trung ương. Bộ Tổng tư lệnh và Trung ương Cục miền Nam. Đây là chiến trường có phong trào đấu tranh chính trị kết hợp chặt chẽ với đấu tranh vũ trang và binh vận; một chiến trường chiến tranh du kích phát triển cao và ngày càng trở thành chiến trường tác chiến tập trung, qui mô lớn của bộ đội chủ lực. Một khối chủ lực mạnh, một quân đoàn binh chủng hiệp thành được bố trí trên chiến trường này, nằm trong thế xen kẽ với địch, là sự uy hiếp lớn, thường xuyên, trực tiếp trung tâm đầu não của địch là thành phố Sài Gòn — Gia Định.

*
* *

Nhân dân Nam Bộ và cực nam Trung Bộ, gồm người Kinh, Khơ-me, Chăm, XTiêng, Raglai, Chu Ru... có truyền thống đoàn kết gắn bó trong lao động, trong đấu tranh chống áp bức và chiến đấu chống ngoại xâm.

Ngay từ khi giặc Pháp đặt chân lên đất Sài Gòn — Gia Định (18 tháng 2 năm 1859). Nhân dân Nam Bộ và cực nam Trung Bộ đã liên tục đứng lên chống quân xâm lược. Nhiều cuộc khởi nghĩa đã nổ ra, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa do Trương Định, Võ Duy Dương, Nguyễn Trung Trực lãnh đạo... Nhân dân Nam Bộ và cực nam Trung Bộ đã nêu cao khí phách « Bao giờ đất này hết cỏ thì người Nam mới hết người chống Tây »¹.

Sau khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, lãnh đạo phong trào cách mạng, cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ chuyển lên một cao trào mới. Mở đầu là cuộc đấu tranh của công nhân cao su Phú Riềng, Dầu Tiếng, công nhân

1. Tây : chỉ giặc Pháp xâm lược.

xưởng Ba Son, nhà đèn Chợ Quán, xe lửa Dĩ An..., phong trào đấu tranh đã diễn ra liên tục, sôi nổi trong những năm ba mươi, đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (tháng 11 năm 1940), bùng nổ trên phạm vi 18 tỉnh trong số 20 tỉnh ở Nam Bộ.

Tháng Tám năm 1945, cùng với nhân dân cả nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng bào Nam Bộ và cực nam Trung Bộ vùng lên khởi nghĩa, đập tan ách thống trị của phát xít Nhật, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân. Nhưng chỉ chưa đầy một tháng, ngày 23 tháng 9 quân Pháp núp dưới bóng quân Đồng minh, quay trở lại, nổ súng xâm lược, đánh chiếm Sài Gòn rồi sau đó đánh rộng ra các tỉnh khác. Nhân dân Nam Bộ và cực nam Trung Bộ lại một lần nữa đi đầu trong cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc.

Trước nguy cơ thất bại của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ âm mưu can thiệp sâu hơn vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương. Những cuộc biểu tình chống Mỹ của sinh viên Sài Gòn nổ ra từ tháng 1 năm 1950 và, ngày 19 tháng 3 năm 1950, hơn 50 vạn đồng bào Sài Gòn — Chợ Lớn xuống đường tuần hành giương cao quốc kỳ, hô vang khẩu hiệu « Đả đảo đế quốc Mỹ », « Đế quốc Mỹ cút đi » để phản đối hai tàu chiến Mỹ đến cảng Sài Gòn, hòng tiếp sức cho đội quân Pháp xâm lược, mở đầu phong trào *Toàn quốc chống Mỹ* của nhân dân ta.

Cho đến tháng 7 năm 1954, khi bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, nhân dân Nam Bộ và cực nam Trung Bộ đã trải qua gần một thế kỷ liên tục đấu tranh chống kẻ thù xâm lược. Cuộc chiến đấu lâu dài, đặc biệt là trong cách mạng tháng Tám và kháng chiến chống Pháp (lần thứ hai) đã hun đúc nên những truyền thống cao quý, tích lũy nhiều kinh nghiệm về đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, và xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn

cứ kháng chiến... Đó là những cơ sở rất quan trọng, cùng với những nhân tố khác, bảo đảm cho nhân dân và các lực lượng vũ trang trên chiến trường này tổ chức và duy trì cuộc chiến đấu lâu dài, vượt qua muôn vàn gian khổ, hy sinh và cuối cùng đã góp phần chiến thắng đế quốc Mỹ, tên đế quốc có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh nhất trong thế giới tư bản.



Ra đời trên chiến trường Nam Bộ và cực nam Trung Bộ, từ lúc còn là một trung đoàn bộ binh trong những năm đầu chiến tranh cho đến khi trở thành một quân đoàn gồm nhiều đơn vị binh chủng hợp thành. Quân đoàn 4 đã trải qua một thời kỳ hình thành tương đối dài, đầy gian khổ, vững chắc và hợp qui luật. Lịch sử xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của quân đoàn gắn liền với các bước phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, với cuộc chiến đấu của quân và dân các tỉnh Nam Bộ và cực nam Trung Bộ. Những đặc điểm về chính trị, kinh tế, xã hội, về địa hình và những yêu cầu phát triển của chiến trường đã tác động trực tiếp đến sự ra đời, phát triển của quân đoàn. Mục tiêu chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc luôn luôn là nguồn động lực phi thường, tạo nên sức mạnh chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ quân đoàn. Và, khí phách quật cường của Nam Bộ «Thành đồng Tổ quốc», sự nuôi dưỡng và phối hợp chiến đấu của nhân dân các địa phương; nguồn tiếp sức người, sức của nhất là đội ngũ cán bộ, nhân viên kỹ thuật và vũ khí trang bị của hậu phương lớn miền Bắc đã tạo nên sức mạnh thường xuyên, ngày càng lớn, quyết định mỗi chiến công, mỗi bước trưởng thành của quân đoàn.

Sự ra đời của Quân đoàn 4 vừa thể hiện qui luật chung của chiến tranh nhân dân Việt Nam, vừa thể hiện những nét riêng của chiến trường. Do đó, sẽ là thiếu sót, nếu viết về lịch sử Quân đoàn 4 mà không đề cập đầy đủ đến chiến trường B2, đến người mẹ hiền là nhân dân Nam Bộ và cực nam Trung Bộ, đến sự chăm lo xây dựng của nhân dân và lực lượng vũ trang cả nước đối với quân đoàn. Trang sử ấy bắt đầu từ trung đoàn 1, đơn vị chủ lực đầu tiên ra đời trên chiến trường Nam Bộ và cực nam Trung Bộ.

Chương I

TỪ Q. 761 ĐẾN ĐOÀN 301 – CHẶNG ĐƯỜNG DÀI XÂY DỰNG VÀ CHIẾN ĐẤU

1. Các trung đoàn chủ lực đầu tiên ra đời trên chiến trường B2.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945—1954), Nam Bộ và cực nam Trung Bộ là chiến trường có phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh. Lực lượng vũ trang được xây dựng từng bước, hình thành ba thứ quân: dân quân du kích ở các xã ấp; bộ đội địa phương tỉnh, huyện; bộ đội chủ lực tỉnh và các liên khu. Có thời gian, bộ đội chủ lực đã được tập trung thành các trung đoàn, liên trung đoàn. Đông Xuân 1953—1954, phối hợp với mặt trận Điện Biên Phủ và các chiến trường toàn quốc, các tiểu đoàn chủ lực khu (302, 304, 307) và tỉnh (300, 303, 306, 308, 309, 310, 311, 410) đã đầy mạnh tiến công quân sự, kết hợp với đấu tranh chính trị và binh vận, góp phần, cùng cả nước đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi.

Sau khi chiến tranh kết thúc, thực hiện các điều khoản của Hiệp định Giơ-ne-vơ, các đơn vị vũ trang tập trung ở

phía nam vĩ tuyến 17 tập kết ra miền Bắc. Cách mạng miền Nam chuyển từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị.

Do sớm nhận rõ âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ và dự kiến cuộc đấu tranh cách mạng nhằm hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc ở miền Nam sẽ lâu dài, khó khăn, diễn biến phức tạp, Trung ương Đảng đã quyết định để lại ở mỗi tỉnh miền Nam một số cán bộ quân sự, chôn dấu một số vũ khí tốt, để làm nòng cốt khi cần tổ chức lại lực lượng vũ trang. Tại hội nghị lần thứ nhất (tháng 10 năm 1954), Xứ ủy Nam Bộ chỉ thị cho các liên tỉnh ủy và tỉnh ủy phải duy trì các căn cứ kháng chiến trong những năm chống Pháp xâm lược như căn cứ rừng U Minh (miền tây Nam Bộ), Đồng Tháp Mười (miền Trung Nam Bộ), chiến khu Đ và chiến khu Dương Minh Châu (miền đông Nam Bộ)...

Trong những năm 1954 — 1959, cách mạng miền Nam ở thế giữ gìn lực lượng, cuộc đấu tranh chống hành động «tố cộng, diệt cộng» của Mỹ — Diệm diễn ra gay go quyết liệt. Cán bộ, đảng viên, trong đó có những cán bộ quân sự ở lại miền Nam đã bám sát quần chúng, xây dựng cơ sở chính trị và vũ trang, làm nòng cốt và lãnh đạo quần chúng đấu tranh với địch. Nhiều đội vũ trang tuyên truyền, tổ hành động diệt ác ôn, đội hoặc nhóm vũ trang tự vệ đã ra đời từ trong phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Vào năm 1959, ở Nam Bộ và cực nam Trung Bộ đã có 139 đội vũ trang tự vệ, mỗi đội có trên dưới 50 người và một số súng, do liên tỉnh ủy hoặc do tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ huy. Đáng chú ý là ở các căn cứ miền Đông Nam Bộ đã thành lập được sáu đại đội¹ và ở nhiều tỉnh

1. Các đại đội 59, 60, 70, 80, 200, 300.

đã thành lập được đơn vị vũ trang tập trung, lấy phiên hiệu là tiểu đoàn đề huơng thanh thế¹

Từ giữa năm 1959, trước hành động khủng bố ngày càng phát xít bè lũ Mỹ — Diệm và sau khi có nghị quyết hội nghị lần thứ 15 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (tháng 1 năm 1959), nhân dân miền Nam đã vùng lên «đồng khởi», phá bỏ hệ máy kìm kẹp của địch, giành quyền làm chủ ở xã ấp. Phong trào mạnh nhất là nông thôn đồng bằng Nam Bộ và miền núi Trung Bộ. Từ lực lượng chính trị của quần chúng, từ trong phong trào «đồng khởi», các lực lượng vũ trang ở Nam Bộ và cực nam Trung Bộ đã phát triển rất nhanh chóng, 560 xã có tiểu đội, 190 xã có trung đội du kích. Các tỉnh, huyện đều thành lập được đại đội, trung đội bộ đội địa phương². Mỗi liên tỉnh có một tiểu đoàn bộ đội chủ lực³.

Căn cứ vào bước phát triển mới của lực lượng và phong trào cách mạng miền Nam, tháng 1 năm 1961, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định chuyển phương châm đấu tranh «đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đưa đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch bằng cả hai lực lượng chính trị và quân sự»⁴. Nhiệm vụ của các lực lượng vũ trang ở miền Nam

1. Như «tiểu đoàn Ngô Văn Sở» tiểu đoàn Đinh Tiên Hoàng» (tỉnh Cà Mau) «tiểu đoàn U Minh» (tỉnh Rạch Giá) «tiểu đoàn 502» (tỉnh Kiến Phong), «tiểu đoàn 504» (tỉnh Kiến Trường), «tiểu đoàn 506» (tỉnh Long An), «tiểu đoàn 512» (tỉnh An Giang)...

2. Gồm 17 đại đội ở các tỉnh và 70 trung đội ở các huyện.

3. Tiểu đoàn 500 thuộc liên tỉnh miền Đông Nam Bộ, số quân 997 người; tiểu đoàn 261 liên tỉnh miền Trung Nam Bộ, số quân 266 người; tiểu đoàn 306 liên tỉnh miền Tây Nam Bộ, số quân 771 người.

4. Bộ Chính trị — Chỉ thị về phương hướng và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam, ngày 31 tháng 1 năm 1961.

là « nhanh chóng phát triển lực lượng đẩy mạnh tiến công tiêu diệt địch, kết hợp với đấu tranh chính trị của quần chúng »¹.

Cũng trong tháng 1 năm 1961, thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương ra chỉ thị về việc lực lượng vũ trang xây dựng và chiến đấu ở miền Nam sẽ mang tên « Quân giải phóng miền Nam Việt Nam ». Phương châm xây dựng của lực lượng vũ trang ở miền Nam là khẩn trương, lấy việc xây dựng các đơn vị tập trung làm chủ yếu, đồng thời hết sức coi trọng xây dựng bộ đội địa phương và dân quân du kích.

Tháng 9 năm 1961, đề án xây dựng lực lượng vũ trang ở miền Nam trong ba năm (1961 — 1963) do Bộ Tổng tham mưu chuẩn bị được Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương thông qua.

Sư đoàn 338 (thành lập tháng 12 năm 1956) gồm các đơn vị bộ đội Nam Bộ tập kết ra Bắc được tổ chức thành đơn vị huấn luyện quân tăng cường cho chiến trường.

Tháng 5 năm 1961, đoàn cán bộ quân sự mang tên « Phương Đông 1 » gồm 500 người xuất phát từ Xuân Mai (Hòa Bình) hành quân vào chiến trường Nam Bộ và cực nam Trung Bộ. Sau ba tháng đi bộ vượt Trường Sơn, ngày 28 tháng 7 năm 1961, đoàn đến vị trí tập kết ở vùng căn cứ thuộc tỉnh Bình Long. Các cán bộ của đoàn được tăng cường cho Ban quân sự Miền. Một số được điều về các quân khu 7, 8, 9, và Sài Gòn — Gia Định, chuẩn bị cho việc thành lập các Bộ tư lệnh quân khu và các trung đoàn chủ lực.

Những tháng cuối năm 1960 đầu năm 1961, phong trào nổi dậy của quần chúng, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang ngày càng lên mạnh. Chính sách xâm

1. (Như điều 4 trang 17...)

lược và thống trị thực dân mới của Mỹ bị thất bại một bước nghiêm trọng. Tập đoàn cầm quyền nước Mỹ âm mưu chuyển hướng thực hiện chiến lược « chiến tranh đặc biệt » đưa ô ạt cố vấn và tiền của, vũ khí vào miền Nam, giúp ngụy quân ngụy quyền chống lại phong trào cách mạng. Được Mỹ tăng cường viện trợ và chỉ huy trực tiếp, ngụy quyền Sài Gòn ra sức đôn quân bắt lính tăng quân chính quy lên 20 vạn tên, lực lượng bảo an lên tám vạn tên và dân vệ lên bảy vạn tên. Chúng đóng thêm hàng nghìn đồn bốt, mở hàng trăm cuộc hành quân càn quét quy mô tiểu đoàn đến sư đoàn, nhằm tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng. Để khủng bố tinh thần nhân dân, chúng ra sức cướp bóc, đốt phá, bắt giết thực hiện âm mưu « tát nước bắt cá », tách lực lượng vũ trang cách mạng ra khỏi nhân dân để tiêu diệt. Địch thực hiện được phần lớn kế hoạch gom dân, lập « ấp chiến lược ».

Đề phá được âm mưu thâm độc của Mỹ ngụy, vấn đề xây dựng bộ đội chủ lực và đẩy mạnh tác chiến tập trung, đánh bại các cuộc hành quân càn quét của quân chủ lực ngụy, hỗ trợ nhân dân nổi dậy phá « ấp chiến lược », trở thành một yêu cầu khách quan và cấp thiết của chiến trường.

Tháng 8 năm 1961, trên cơ sở lực lượng vũ trang đã phát triển mạnh trong phong trào « Đồng khởi » và một số cán bộ quân sự từ miền Bắc vừa hành quân vào đến chiến trường trong những đợt đầu tiên, Trung ương Cục và Ban quân sự Miền quyết định thành lập hai tiểu đoàn chủ lực đầu tiên, đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của Ban quân sự Miền. Tiểu đoàn 1 do đồng chí Bùi Thanh Vân (Út Liêm) làm tiểu đoàn trưởng và tiểu đoàn 2 do đồng chí Huỳnh Leo (Bình Minh) làm tiểu đoàn trưởng. Mỗi tiểu đoàn trang bị khoảng 100 khẩu súng, phần lớn là súng bộ binh do các nước tư bản chế tạo. Đồng chí Nguyễn Hữu Thọ, chủ tịch Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng

miền Nam Việt Nam đã đến dự buổi lễ thành lập hai tiểu đoàn tại chiến khu Đ (miền Đông Nam Bộ). Đồng chí căn dặn: « Nước ta còn nghèo. Dân ta đang bị áp bức bóc lột, nên người và vũ khí hiện chỉ có bấy nhiêu. Các đồng chí hãy lấy đó làm vốn rồi liên hệ với địa phương xin thêm người, tổ chức và huấn luyện cho tốt để gấp rút ra chiến đấu hỗ trợ phong trào ».

Tháng 9 năm 1961, tiểu đoàn 2 ra quân trận đầu tiên, tiến công đồn dân vệ cầu Cần Lê (Bình Long), diệt và bắt 50 tên. Tháng 10 năm 1961, tiểu đoàn 1 diệt đồn Bồ Túc (Tây Ninh). Đây là hai đồn địch nằm sâu trong chiến khu Đ và chiến khu Dương Minh Châu. Khu vực căn cứ được mở rộng. Bộ đội ta lấy ngay hai đồn địch làm thao trường huấn luyện các hình thức chiến thuật tập kích quân địch trong công sự. Các trận đánh tiếp theo ở Bến Cầu, Suối Đá (Tây Ninh)... trong những tháng cuối năm 1961 cũng đều giành được thắng lợi. Truyền thống chiến thắng trận đầu, đánh dứt điểm, đã ra quân là chiến thắng của bộ đội chủ lực Miền được hình thành ngay từ những trận đánh này. Nó củng cố niềm tin trong lãnh đạo, trong cán bộ, chiến sĩ và nhân dân.

Những tháng cuối năm 1961, đầu năm 1962, trên 1500 thanh niên các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Sài Gòn xung phong vào Quân giải phóng. Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long gửi lên căn cứ miền Đông 700 tân binh. Số cán bộ và nhân viên kỹ thuật từ miền Bắc hành quân vào ngày càng nhiều. Nhu cầu của chiến trường và các yếu tố cần thiết cho việc thành lập một trung đoàn chủ lực đã có đầy đủ.

Ngày 9 tháng 2 năm 1962, tại Trảng Dài (Tây Ninh), Trung ương Cục và Ban quân sự Miền tổ chức lễ công bố quyết định thành lập Trung đoàn 1 bộ binh (mật danh

là Q.761, còn gọi là C56), trung đoàn chủ lực đầu tiên của chiến trường B2 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trong đội hình của trung đoàn có hai tiểu đoàn 1 và 2 bộ binh, một số phân đội trợ chiến, bảo đảm và các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần. Đồng chí Hoàng Đình Chương được cử làm trung đoàn trưởng. Đồng chí Võ Lâm (Hai Nhỏ) được cử làm chính ủy. Tháng 6 năm 1963, tiểu đoàn 3 được thành lập, tổ chức của trung đoàn được kiện toàn.

Trong khi đó, đúng vào dịp kỷ niệm lần thứ 17 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1961), một trung đoàn bộ binh gồm những cán bộ, chiến sĩ tình nguyện, được huấn luyện kỹ càng, trang bị đầy đủ, của miền Bắc, xuất phát từ Xuân Mai hành quân vào chiến trường. Trong đội hình của trung đoàn, có hai tiểu đoàn (4 và 5) bộ binh, các đại đội trợ chiến và cơ quan trung đoàn được biên chế đủ số quân và trang bị theo biên chế; còn một tiểu đoàn (6) bộ binh là khung từ tiểu đội trưởng đến tiểu đoàn trưởng. Tháng 6 năm 1962, trung đoàn hành quân vào đến khu vực Mã Đà. Tại đây, sau khi được bổ sung đầy đủ cán bộ, chiến sĩ và theo quyết định của Trung ương Cục và Ban quân sự Miền, Trung đoàn 2 bộ binh (mật danh là Q.762, còn gọi là C58) chính thức được thành lập. Đồng chí Nguyễn Văn Cộng làm trung đoàn trưởng, đồng chí Nguyễn Đăng Bảy làm chính ủy và đồng chí Tạ Minh Khâm trung đoàn phó kiêm tham mưu trưởng trung đoàn.

Ban quân sự Miền bố trí địa bàn hoạt động của trung đoàn 1 ở tây sông Sài Gòn (Tây Ninh, Gia Định), của Trung đoàn 2 ở đông sông Sài Gòn (Bình Dương, Bình Long, Phước Thành). Nhiệm vụ chủ yếu là «Tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch», cùng bộ đội địa phương chống

địch cần quét, giữ vững địa bàn, hỗ trợ nhân dân phá «ấp chiến lược».¹

Vừa xây dựng, vừa chiến đấu, trong những tháng cuối năm 1962 và năm 1963, hai trung đoàn đã cùng lực lượng vũ trang địa phương đánh bại một số cuộc cần quét của địch, bảo vệ căn cứ. Trận chống cần ở Bàu Bông (bắc Sông Bé) ngày 3 tháng 9 năm 1962, trung đoàn 2 diệt 50 tên thuộc sư đoàn 5 chủ lực nguy. Tuy nhiên, hiệu suất chiến đấu của bộ đội chủ lực chưa đáp ứng được yêu cầu của chiến trường, trong khi, địch huy động toàn bộ quân chủ lực mở các cuộc hành quân cần quét, sử dụng nhiều biện pháp chiến thuật và vũ khí kỹ thuật mới như «trục thăng vận, «thiết xa vận» vào việc gom dân, lập «ấp chiến lược» và đánh vào các căn cứ, đánh vào các đơn vị vũ trang tập trung còn non trẻ của ta. Trong nhận thức, có cán bộ cho rằng, chỉ bằng lực lượng vũ trang địa phương và lực lượng chính trị của quần chúng, ta có thể phá được «ấp chiến lược», đánh bại chiến lược «chiến tranh đặc biệt» của địch. Một số cấp ủy đảng địa phương lo ngại nếu rút du kích và bộ đội địa phương lên xây dựng chủ lực thì sẽ bị «lông chân», làm yếu phong trào của địa phương. Do đó việc xây dựng bộ đội chủ lực không được coi trọng đúng mức. Từ tháng 10 năm 1962 đến cuối năm 1963, đoàn 759 vận tải đường biển đã bí mật đưa được 25 chuyến tàu từ miền Bắc vào gồm 1430 tấn vũ khí, trong đó có súng cối, ĐKZ, súng máy cao xạ 12,7... cập tại các bến tiếp nhận ở Cà Mau, Trà Vinh, Bến Tre... Nhưng việc tổ chức chuyển số vũ khí này lên các căn cứ miền Đông để trang bị cho các đơn vị bộ đội chủ lực triển khai chậm.

1. Nghị quyết Trung ương Cục Miền Nam, tháng 5 năm 1962.

Việc sử dụng bộ đội chủ lực cũng không có phương hướng đúng đắn. Có thời gian cả hai trung đoàn đều phân tán xuống các vùng nông thôn đồng bằng như Bời Lời, Nhuận Đức, An Nhơn Tây (Trung đoàn 1) : Bến Cát, Phú Giáo. Dầu Tiếng (Trung đoàn 2), hoạt động nhỏ lẻ như các đơn vị bộ đội địa phương tỉnh, huyện. Do địch liên tục càn quét và đánh phá bằng phi pháo vào các căn cứ, chỗ đứng của các đơn vị không ổn định. Nguồn cung cấp lương thực từ đồng bằng lên bị hạn chế vì địch lập được hơn 2000 «ấp chiến lược», kiểm soát được nhiều dân. Súng không đủ trang bị, Đạn do xưởng quân giới của Miền cung cấp viên nổ, viên không. Khó khăn về xây dựng, sử dụng và hiệu suất chiến đấu tác động trở lại về tư tưởng đối với cán bộ, chiến sĩ các đơn vị.

Trải qua những cuộc đấu tranh về tư tưởng trong cán bộ lãnh đạo và chỉ huy các cấp và mặt khác do đòi hỏi thúc bách của chiến trường, Trung ương Cục, các cấp ủy đảng địa phương và Ban quân sự Miền đã ngày càng nhận thức rõ, đúng đắn về vai trò của bộ đội chủ lực và thấy rõ sự cần thiết phải xây dựng bộ đội chủ lực ở chiến trường miền Nam, Vấn đề đặt ra lúc này là muốn đánh bại biện pháp chiến lược chủ yếu của địch là càn quét, gom dân lập «ấp chiến lược», phải đánh bại quân cơ động nguy khi chúng hành quân càn quét, đánh bại biện pháp chiến lược «trục thẳng vận», «thiết xa vận» của chúng. Chiến thắng Ấp Bắc (ngày 2 tháng 1 năm 1963) của đại đội 1 (tiểu đoàn 261 chủ lực Khu 8) và đại đội 1 (tiểu đoàn 514 bộ đội địa phương tỉnh Mỹ Tho) là một thực tế chứng minh, dựa trên thế trận chiến tranh nhân dân, bộ đội ta được tập trung đến mức độ nhất định, có cách đánh thích hợp, hoàn toàn có khả năng đánh bại các cuộc càn quét bằng binh lực lớn, với chiến thuật mới và vũ khí, phương tiện hiện đại của Mỹ — nguy.

Đề đầy mạnh cuộc chiến tranh cách mạng, tháng 10 năm 1963, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương quyết định thành lập Quân ủy và Bộ tư lệnh Miền. Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Trung ương Cục miền Nam trực tiếp làm Bí thư Quân ủy Miền. Trung tướng Trần Văn Trà, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Tổng tham mưu trưởng làm phó tư lệnh Miền. Một thời gian sau, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng được cử vào chiến trường làm Chính ủy Miền. Cùng vào chiến trường đợt này có đồng chí Thiếu tướng Lê Trọng Tấn, Thiếu tướng Trần Độ, đại tá Hoàng Cầm và nhiều cán bộ cao cấp, trung cấp, những cán bộ có kinh nghiệm xây dựng bộ đội chủ lực và chỉ huy đánh lớn.

Dưới sự chỉ đạo của Trung ương Cục và Bộ tư lệnh Miền, trực tiếp là đồng chí Nguyễn Chí Thanh và đồng chí Trần Văn Trà, các mặt công tác xây dựng và chuẩn bị cho bộ đội chủ lực tác chiến được tiến hành gấp rút. Các căn cứ hậu cần A, B, C, E được tổ chức thành các đoàn hậu cần 81, 82, 83, 84. Với tổ chức và phương thức hoạt động cơ động hơn, các đoàn hậu cần có thể bảo đảm vật chất cho bộ đội trên các khu vực tác chiến, tiếp chuyển lương thực từ đồng bằng và vũ khí từ các bến tiếp nhận lên các căn cứ.

Trung đoàn 3 bộ binh được thành lập gồm các đơn vị bộ đội tập trung điều động từ Khu 9 (miền tây Nam Bộ). Đồng chí Chín Hiện được cử làm trung đoàn trưởng, đồng chí Lê Thanh được cử làm chính ủy. Tháng 10 năm 1963, đoàn pháo binh chủ lực đầu tiên, phiên hiệu U — 80 gồm 4 tiểu đoàn pháo cối (Z35, Z37, Z39, Z41) và một tiểu đoàn súng máy cao xạ 12,7 ra đời. Đồng chí Lương Văn Nho (Hai Nhã) nguyên chủ nhiệm pháo binh Quân khu Hữu Ngạn làm đoàn trưởng; đồng chí Hoàng Minh

Khanh (Đào Sơn Tây) làm chính ủy. Hai trung đoàn 1 và 2 được bổ sung tân binh từ đồng bằng và đô thị. Đồng chí Nguyễn Thế Truyện được cử làm trung đoàn trưởng, đồng chí Võ Lâm (Hai Nhỏ) được cử làm chính ủy Trung đoàn 1. Đồng chí Tạ Minh Khâm làm trung đoàn trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Quảng được cử làm chính ủy Trung đoàn 2. Hai trung đoàn đã tiến hành sinh hoạt dân chủ, đấu tranh với những biểu hiện hủu khuynh tiêu cực, tìm nguyên nhân những trận đánh thắng lợi và những trận không diệt gọn, xây dựng quyết tâm và bàn cách « đánh dứt điểm ». Công tác huấn luyện, từ cấp phân đội đến trung đoàn, đều nắm vững nội dung huấn luyện sát với đối tượng, nhiệm vụ tác chiến. Chiến sĩ cũ tập cùng chiến sĩ mới để giúp đỡ nhau. Các phân đội hỏa lực tập cơ động với bộ binh, ngắm bắn trực tiếp theo yêu cầu chiến thuật vận động tập kích, phục kích, đánh địch trong công sự vững chắc, tập hành quân xa, cơ động linh hoạt... Rút kinh nghiệm từ thực tiễn chiến đấu, mỗi đơn vị đều huấn luyện một số xạ thủ giỏi, khi gặp xe M113 địch, các xạ thủ này sẽ nhắm bắn trúng tên lái và tên bắn súng đại liên trên xe. Khi xe không chạy được nữa mới ném lựu đạn dứt xích, diệt xe. Đối phó với chiến thuật « trực thăng vận » của địch, các đơn vị đã phát động rộng rãi phong trào bắn máy bay lên thẳng bằng súng bộ binh, huấn luyện bộ đội cách nằm ngửa bắn máy bay; mỗi khẩu đội 12.7 phân công một số chiến sĩ hoặc thanh niên xung phong giữ chân súng cho khỏi nảy khi bắn...

Ngày 18 tháng 10 năm 1963, tiểu đoàn 5 (Trung đoàn 2) được tăng cường một đại đội đặc công của Trung đoàn 1 tiến công đồn Cây Trường thuộc xã Long Nguyên, huyện Bến cát, tỉnh Thủ dầu một. Đây là một đồn lớn, nằm sâu trong vùng giải phóng do một đại đội bảo an đóng giữ. Dựa vào công sự kiên cố, quân địch chống trả quyết liệt. Trong giây phút hiểm nghèo, chiến sĩ Trừ Văn

Thổ đã lấy thân mình lấp lỗ châu mai, dập tắt hỏa điểm cuối cùng của địch, giành thắng lợi quyết định cho trận đánh. Tấm gương anh dũng của người «traï hiền» quê hương Cai Lậy (Mỹ Tho) Trừ Văn Thổ và các chiến sĩ Trung đoàn 2 sống mãi trong lòng nhân dân Bến Cát:

« Sông sâu như sông Bến Cát
Gái đẹp như gái An Điền
Trai hiền như trai 900 »¹

Liệt sĩ Trừ Văn Thổ đã được truy tặng danh hiệu « Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân », Đây là chiến sĩ bộ đội chủ lực đầu tiên của chiến trường B2, của Quân đoàn 4 sau này, được tuyền dương danh hiệu Anh hùng.

Ngày 31 tháng 12 năm 1963, tiểu đoàn 4 (Trung đoàn 2) chặn đánh quân địch càn quét ở ấp Đường Long (xã Thanh Tuyền, huyện Bến Cát, tỉnh Thủ Dầu Một). Nghe tiếng súng đánh địch, tiểu đoàn 3 kịp thời cơ động đến, phối hợp cùng tiểu đoàn 4 diệt gọn tiểu đoàn 32 biệt động quân², bắt 57 tù binh, thu hơn 100 khẩu súng. Lần đầu tiên trên chiến trường, một trung đoàn (thiếu) bộ đội chủ lực ta tiêu diệt được một tiểu đoàn quân chính quy.

Phong trào « đánh dứt điểm », « diệt gọn »... sôi nổi trong các đơn vị bộ đội chủ lực. Nhiều trận quy mô trung đoàn hoặc trung đoàn tăng cường, đánh điểm, sau đó trụ lại đờ công sự đánh quân viện của địch đạt hiệu suất cao. Nổi bật là trận đánh điểm « áp chiến lược » Bến Cầu (Tây Ninh), sau đó diệt gọn hai đại đội bảo an địch lên tăng viện của Trung đoàn 1 được tăng cường một đại đội đặc công và một đại đội súng máy cao xạ 12,7 của Miền (ngày

1. C900 là một mật danh của Trung đoàn 2.

2. Đây là một tiểu đoàn quân nguy úc ôn, mang biệt danh « cộp đen ».

6 tháng 2 năm 1964), các trận diệt đồn Phước Tân, diệt đại đội biệt kích ở Bầu Cối... (của Trung đoàn 1), trận diệt tiểu đoàn biệt động quân số 37 phá «ấp chiến lược» Xình Bà Đá, trận Cần Đâm (của Trung đoàn 2) v.v.

Ngày 30 tháng 10 năm 1964, đại đội súng cối (Trung đoàn 2), đại đội ĐKZ 75 (Trung đoàn 1) phối hợp với đoàn 80, tập kích hỏa lực vào sân bay Biên Hòa, phá hủy 59 máy bay, đốt cháy 2 kho xăng, mở đầu truyền thống luồn sâu, đánh hiểm, đạt hiệu suất cao của bộ đội pháo binh chủ lực của Miền.

Đến cuối năm 1964, trên cả hai mặt xây dựng và chiến đấu, tuy quy mô tổ chức mới tới cấp trung đoàn, lực lượng binh chủng còn ít, bộ đội chủ lực Miền đã vươn lên đánh những trận xuất sắc, tiêu diệt được cả một tiểu đoàn quân chủ lực nguy trong các cuộc hành quân càn quét của chúng, đã trực tiếp hỗ trợ lực lượng vũ trang địa phương đánh địch và quần chúng nổi dậy, góp phần đánh bại một bước âm mưu và biện pháp chiến lược dùng quân chính quy nguy càn quét, gom dân lập «ấp chiến lược» của đế quốc Mỹ.

Căn cứ vào sự phát triển mới của tình hình và so sánh lực lượng trên chiến trường, tháng 9 năm 1964, Bộ chính trị chủ trương động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tập trung mọi khả năng, thực hiện sự chuyển hướng mạnh mẽ trong việc phát triển bộ đội chủ lực, đẩy mạnh tác chiến tập trung quy mô chiến dịch. Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị, Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ tư lệnh Miền quyết định mở đợt hoạt động Đông Xuân 1964 — 1965 nhằm tiêu diệt một bộ phận quân chủ lực nguy, mở rộng vùng giải phóng. Khu vực mở chiến dịch là Bà Rịa — Long Khánh và Bình Long — Phước Long.

Tháng 11 năm 1964, sau một thời gian tập trung, chuẩn bị ở chiến khu Đ, hai Trung đoàn 1 và 2 bộ binh, đoàn

80 pháo binh hành quân về chiến trường Bà Rịa. Các đoàn hậu cần Miền, các đoàn dân công, nhân dân các địa phương tập nập chuyên đạn, chuyên gạo đến các vị trí tập kết phục vụ bộ đội chủ lực tác chiến. Ban chỉ huy chiến dịch được thành lập do đồng chí Trần Đình Xu làm chỉ huy trưởng, đồng chí Lê Văn Tường làm chính ủy. Chiến dịch mở màn ngày 2 tháng 12 năm 1964 với trận tiến công «ấp chiến lược» Bình Giã của đại đội 445 bộ đội địa phương tỉnh Bà Rịa và trận tập kích hỏa lực của bộ đội pháo binh vào chi khu quân sự Đức Thạnh. Tiếp đó, trong gần một tháng chiến đấu, từ ngày 9 tháng 12 năm 1964 đến ngày 3 tháng 1 năm 1965, các Trung đoàn 1 và 2 đã đánh năm trận cấp trung đoàn, hai trận cấp tiểu đoàn, diệt gọn hai tiểu đoàn chủ lực ngụy (có một tiểu đoàn thuộc lực lượng dự bị chiến lược) và một chi đoàn xe bọc thép, đánh thiệt hại nặng ba tiểu đoàn khác. Do chuẩn bị tốt, chọn hướng và mục tiêu tiến công đúng, sử dụng lực lượng và vận dụng cách đánh linh hoạt, chiến dịch Bình Giã đã giành được thắng lợi oanh liệt. Trong chiến dịch, xuất hiện nhiều gương chiến đấu dũng cảm, tiêu biểu là «đại đội trưởng chặn đầu» Tạ Quang Tỹ, là chiến sĩ Nguyễn Văn Xộn 20 tuổi, bị xích xe địch nghiêng nát cánh tay trái vẫn dùng tay phải ném lựu đạn diệt xe bọc thép địch, là các chiến sĩ Lê Văn Đáp, Hoàng Đình Nghĩa «ở đâu có địch là lao tới diệt địch»...

Đây là lần đầu tiên trên chiến trường Nam bộ và cực nam Trung Bộ, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, bộ đội chủ lực Miền mở chiến dịch tiến công địch, đánh dấu bước trưởng thành quan trọng của bộ đội chủ lực trên chiến trường trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Với chiến công xuất sắc trong chiến dịch, Trung đoàn 1 đã được Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ tư lệnh Miền tặng danh hiệu vẻ vang: «Trung đoàn Bình Giã».

Ngay sau khi chiến dịch kết thúc, các trung đoàn chủ lực trở về chiến khu Đ, tiến hành rút kinh nghiệm chiến đấu, bổ sung quân số, vũ khí, bồi dưỡng sức khỏe, huấn luyện quân sự... Tháng 5 năm 1965, toàn bộ lực lượng chủ lực của Miền và Quân khu 7 gồm 4 trung đoàn¹, hai tiểu đoàn bộ binh, đoàn 80 pháo binh lại lên đường mở chiến dịch ở khu vực Phước Long — Đồng Xoài, trong đó Đồng Xoài được chọn làm khu vực then chốt chiến dịch. Ban chỉ huy chiến dịch do thiếu tướng Lê Trọng Tấn Phó tư lệnh Miền làm chỉ huy trưởng, Thiếu tướng Trần Độ Phó chính ủy Miền làm chính ủy và đại tá Hoàng Cầm làm Tham mưu trưởng.

Ngày 11 tháng 5 năm 1965, tiểu đoàn 4 (Trung đoàn 2) nổ súng mở màn chiến dịch bằng trận công kiên xuất sắc, trong 25 phút chiến đấu tiêu diệt hoàn toàn chi khu quân sự Phước Bình. Từ đó cho đến ngày 22 tháng 7 năm 1965, trải qua ba đợt chiến đấu, bộ đội chủ lực Miền phối hợp với các lực lượng vũ trang địa phương đã diệt chi khu quân sự Đồng Xoài, làm thương vong trên 4000 tên địch (có 73 tên cố vấn Mỹ) loại khỏi vòng chiến đấu bốn tiểu đoàn, thu nhiều vũ khí, phương tiện chiến tranh của địch. Trình độ tác chiến hiệp đồng của bộ binh với pháo binh, đặc công, năng lực tổ chức chỉ huy chiến dịch và chiến đấu của cán bộ các cấp, trình độ kỹ thuật, chiến thuật của bộ đội có bước tiến rõ rệt, đặc biệt khả năng đánh tiêu diệt các căn cứ, chi khu quân sự của địch.

Với chiến công xuất sắc trong trận then chốt chiến dịch tiêu diệt chi khu quân sự Đồng Xoài, Trung đoàn 2 đã được Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ tư lệnh Miền tặng danh hiệu vẻ vang: « Trung đoàn Đồng Xoài ».

1. Sau khi thành lập, trung đoàn 3 đứng trong khối chủ lực Miền. Trung đoàn 4 trực thuộc Quân khu 7 mới thành lập đầu năm 1965 trên cơ sở các tiểu đoàn chủ lực quân khu.

Chiến dịch Bình Giã, Đồng Xoài đánh dấu một chặng đường xây dựng và chiến đấu của bộ đội chủ lực Miền. Đây là thời kỳ hình thành, trải qua đấu tranh và phấn đấu gian khổ, vừa chiến đấu, vừa xây dựng; vừa lấy lực lượng tại chỗ, vừa dựa vào sự chi viện ngày càng lớn của hậu phương miền Bắc để trưởng thành. Việc hình thành một khối chủ lực ngày càng lớn mạnh ở một địa bàn chiến lược là Nam Bộ và cực nam Trung Bộ. việc thực hành các chiến dịch có ý nghĩa xoay chuyển cục diện chiến trường của bộ đội chủ lực phản ánh đúng đắn quy luật phát triển của chiến tranh cách mạng miền Nam. Nó khẳng định vị trí, vai trò của bộ đội chủ lực; tạo cơ sở cho các giai đoạn xây dựng và chiến thắng tiếp theo; xây đắp nên truyền thống *«đoàn kết anh dũng, sáng tạo»*; ra quân là chiến thắng, đánh là rút điếm của Quân đoàn 4 sau này.

2. Sự đoàn 9 và sự đoàn 7 ra đời. Những năm đánh Mỹ oanh liệt.

Mùa hè năm 1965, tình hình miền Nam ngày càng trở nên nóng bỏng đối với giới cầm quyền nước Mỹ, Đội quân nguy do Mỹ dày công xây dựng, trang bị, huấn luyện và chỉ huy, bị thất bại liên tiếp trong các chiến dịch Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài đang có nguy cơ sụp đổ. Nguy quyền Sài Gòn khủng hoảng nghiêm trọng. Hệ thống *«áp chiến lược»* tan rã từng mảng lớn. Phong trào đấu tranh của nhân dân ở các đô thị lên cao. Chiến lược *«chiến tranh đặc biệt»* đứng trước nguy cơ bị thất bại hoàn toàn.

Trước tình thế ngày càng nguy khốn như vậy, Giôn-xơn buộc phải thay đổi chiến lược, ồ ạt đưa quân Mỹ và quân

một số nước chư hầu vào tham chiến ở miền Nam, mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc, tiến hành chiến lược « chiến tranh cục bộ » quy mô lớn ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 8 tháng 3 năm 1965, những đơn vị đầu tiên của lính thủy đánh bộ Mỹ đổ bộ lên Đà Nẵng. Ngày 5 tháng 5, lữ đoàn 173 cơ động đường không nhảy vào Vũng Tàu rồi lên Biên Hòa. Đến cuối năm 1965, đội quân viễn chinh Mỹ xâm lược miền Nam đã lên tới 184.000 tên, cùng với 378 khẩu pháo lớn, 582 xe tăng và xe bọc thép, 350 máy bay phản lực chiến đấu, trên 1000 máy bay lên thẳng, 47 tàu chiến... Theo gót quân Mỹ là quân một số nước chư hầu.

Tháng 7 năm 1965, tổng thống Mỹ Giôn-xơn thông qua chiến lược « tìm và diệt » và kế hoạch ba giai đoạn của tướng Oét-mo-len, tư lệnh quân Mỹ ở Nam Việt Nam. Giai đoạn 1, Mỹ, ngụy và chư hầu dồn nỗ lực vào chiến trường chính là Nam Bộ và cực nam Trung Bộ. Miền Đông Nam Bộ là chiến trường chủ yếu để thực hiện chiến lược « tìm diệt ». Mục tiêu của địch ở đây là tiêu diệt khối bộ đội chủ lực Miền, « bẻ gãy xương sống Việt Cộng » và tiêu diệt bộ máy chỉ đạo, chỉ huy của miền Nam « làm tê liệt bộ não của cuộc chiến tranh ». Đồng bằng sông Cửu Long là địa bàn chính của chương trình « bình định ».

Để thực hiện âm mưu và biện pháp chiến lược nói trên, Bộ chỉ huy quân Mỹ ở miền Nam đã bố trí ở chiến trường miền Đông Nam Bộ những đơn vị tinh nhuệ, có sức cơ động cao, hỏa lực mạnh. Đó là lữ đoàn 173 cơ động bằng máy bay lên thẳng; sư đoàn 1 bộ binh, được mệnh danh là « anh cả đỏ », được tướng tá Mỹ ca ngợi là « thiện chiến, từng lập công xuất sắc trong chiến tranh thế giới thứ hai và chiến tranh Triều Tiên »; sư đoàn 25 « tia chớp nhiệt đới », được « huấn luyện thành thạo chiến

thuật chống du kích ở rừng rậm châu Á... Ba sư đoàn chủ lực ngụy (25, 5, 10) phụ trách các khu chiến thuật 31, 32, 33, ngăn chặn ta trên các hướng tây bắc, bắc — đông bắc, và đông nam Sài Gòn. Hai sư đoàn dù, thủy quân lục chiến thuộc lực lượng dự bị chiến lược của quân ngụy phối hợp với quân Mỹ và được Mỹ chi viện hỏa lực đánh vào các căn cứ, chiếm lại các địa bàn chiến lược, mở rộng vành đai an ninh ở các tỉnh bao quanh Sài Gòn.

Ngày 13 tháng 6 năm 1965, lữ đoàn 173 Mỹ lên Phước Vĩnh, mở cuộc hành quân trên bộ đầu tiên ở chiến trường B2 nhằm cứu quân ngụy đang bị đánh tơi tả ở Đồng Xoài. Ngày 18 tháng 6, máy bay B52 lần đầu tiên ném bom rải thảm xuống Chiến khu Đ. Cường độ chiến tranh, mật độ bom pháo trên chiến trường tăng lên đột ngột, vô cùng ác liệt.

Ngoài quân ngụy, một đối tượng tác chiến mới của quân đội ta đã xuất hiện trên chiến trường. Đó là quân viễn chinh Mỹ và quân một số nước chư hầu, những đội quân có trang bị hiện đại, được huấn luyện và bảo đảm tốt, khả năng cơ động rất cao.

Trên đà thắng lợi trong Xuân Hè 1965, Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ tư lệnh Miền chủ trương giữ vững thế chủ động tiến công, ra sức chuẩn bị và tăng cường lực lượng về mọi mặt, kiên quyết đập tan cuộc phản công chiến lược của Mỹ — ngụy trong mùa khô 1965 — 1966. Một cuộc động viên chính trị lớn đã được thực hiện trong nhân dân và các lực lượng vũ trang, tập trung vào việc xây dựng quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Những tháng cuối năm 1965, khi giặc Mỹ ồ ạt đổ quân vào chiến trường, bom B52, pháo bầy ngày càng ác liệt, nhiều câu hỏi đã được đặt ra: có đánh được quân Mỹ không? Đánh bằng cách nào để thắng quân Mỹ có hỏa lực

manh, sức cơ động cao? Có thể tập trung đánh lớn hay phải phân tán bộ đội chủ lực?... Cần phải làm tốt công tác tư tưởng cho bộ đội và cần có thực tế chiến trường trả lời các câu hỏi này. Khẩu hiệu « dám đánh Mỹ sẽ tìm ra cách đánh Mỹ » do Đại tướng Nguyễn Chí Thanh Ủy viên, Bộ Chính trị, Chính ủy Bộ Tư lệnh Miền đề ra trên cơ sở tổng kết thực tiễn chiến đấu đã chỉ rõ phương hướng công tác tư tưởng cho các đơn vị.

Về mặt tổ chức, thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, Quân ủy và Bộ tư lệnh Miền quyết định tập trung các trung đoàn bộ binh và binh chủng, thành lập các sư đoàn chủ lực.

Ngày 2 tháng 9 năm 1965, tại Suối Nhung (Phước Thành) sư đoàn 9 bộ binh (mật danh là « công trường 9 ») gồm 3 trung đoàn 1, 2, 3 và các tiểu đoàn binh chủng được thành lập. Ban chỉ huy sư đoàn có các đồng chí: Hoàng Cầm (Năm Thạch) sư đoàn trưởng; Lê Văn Tường (Lê Chân) chính ủy; Nguyễn Thế Bôn sư đoàn phó kiêm tham mưu trưởng; Hoàng Thế Thiện phó chính ủy kiêm chủ nhiệm chính trị.

Đoàn 80 pháo binh được bổ sung quân số, vũ khí tổ chức thành một đơn vị pháo binh chủ lực cấp sư đoàn, đổi phiên hiệu là đoàn 69 (ngày 15 tháng 10 năm 1965). Tiếp đó, ngày 20 tháng 11 năm 1965, sư đoàn 5 bộ binh được thành lập gồm hai trung đoàn 4 và 5 bộ binh². Đây là các sư đoàn chủ lực cơ động trực thuộc Bộ tư lệnh Miền, Sư đoàn 9 được bố trí ở hướng tây bắc, sư đoàn 5 bố trí ở hướng đông nam Sài Gòn, là những hướng chiến lược của chiến trường Nam Bộ và cực nam Trung Bộ. Lần đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và cũng là lần đầu tiên trên chiến trường Nam Bộ và cực nam Trung Bộ, đội chủ lực được tổ chức tới cấp sư đoàn. Vào lúc đế quốc Mỹ thay đổi chiến lược chiến

tranh, đưa quân viễn chinh Mỹ và quân chư hầu vào chiến trường nhằm tiêu diệt bộ đội chủ lực ta, việc thành lập tại miền Đông Nam Bộ, cửa ngõ của Sài Gòn các sư đoàn chủ lực cơ động, là một quyết tâm lớn, biểu thị tinh thần quyết đánh, quyết thắng giặc Mỹ rất cao của Đảng ta, nhân dân và quân đội ta.

Trong những ngày sư đoàn 9 mới được thành lập, Liên hiệp công đoàn giải phóng nhận đỡ đầu trung đoàn 1; Hội nông dân giải phóng đỡ đầu trung đoàn 2; Hội phụ nữ giải phóng đỡ đầu trung đoàn 3. Nhiều cán bộ có kinh nghiệm chỉ huy tác chiến tập trung được điều về sư đoàn. Cán bộ trung cấp, sơ cấp, chiến sĩ của sư đoàn gồm người của khắp các miền đất nước, khắp các chiến trường. Có chiến sĩ là tân binh mới hành quân từ miền Bắc vào, là tân binh mới từ đồng bằng sông Cửu Long lên. Có cán bộ, chiến sĩ đã trải qua kháng chiến chống Pháp ở chiến trường Nam Bộ, được huấn luyện chính quy trên miền Bắc, trở về miền Nam đầu những năm sáu mươi và đã tham gia chiến đấu đánh bại chiến lược « chiến tranh đặc biệt » của Mỹ ngụy.

Vừa mới ra đời, sư đoàn 9 đã bước vào chiến đấu với quân Mỹ ngụy và trong mấy tháng cuối năm 1965 đã đánh thắng những trận đấu rất oanh liệt.

Đầu tháng 10 năm 1965, trong khi điều tra căn cứ Mỹ ở Lai Khê, tổ trinh sát của trung đoàn 2 do Lê Chiến Thắng chỉ huy bất ngờ gặp một đơn vị quân Mỹ. Bằng hai quả ĐH — 10, các chiến sĩ ta diệt gần một trung đội địch và rút lui an toàn.

Tháng 11 năm 1965, Bộ tư lệnh Miền giao nhiệm vụ cho sư đoàn 9 và các lực lượng vũ trang địa phương mở chiến dịch Dầu Tiếng nhằm tiêu diệt một bộ phận sư đoàn 5 ngụy, nếu quân Mỹ ra sẽ chuyển sang tiến công quân Mỹ. Trong khi chuẩn bị chiến dịch, ngày 8 tháng 11, tiêu

đoàn 3 (trung đoàn 1) gặp một tiểu đoàn của lữ đoàn 173 không vận đang càn quyết ở khu vực Đất Cuốc (Biên Hòa). Các chiến sĩ ta đã đánh lui 13 đợt phản kích của quân Mỹ, diệt và làm bị thương gần 300 tên, thu nhiều vũ khí, trang bị.

Theo đúng bài bản của chiến lược «tìm và diệt», khi thấy bộ đội chủ lực ta xuất hiện, quân Mỹ vội vã xuất trận. Ngày 11 tháng 11, lữ đoàn 3 (sư đoàn 1 Mỹ) được tăng cường một đại đội xe tăng và một đại đội pháo binh hành quân theo đường số 13 tiến lên Long Nguyên. Đêm xuống, quân Mỹ phải đóng dã ngoại ở Bàu Bàng, cách thị xã Thủ Dầu Một 25 ki-lô-mét. Chúng dồn bộ binh vào giữa, xe tăng xe bọc thép xung quanh.

Theo quyết tâm chiến đấu, sư đoàn 9 lập tức chuyển sang phương án đánh quân Mỹ. Vì thời gian gấp, các đơn vị vừa hành quân vừa giao nhiệm vụ chiến đấu cho từng phân đội, 5 giờ sáng ngày 12 tháng 11, bộ đội ta bất ngờ tập kích cụm đóng quân dã ngoại của lính Mỹ. Mũi thọc sâu đánh trúng sở chỉ huy, đài thông tin, làm đội binh địch rối loạn, không liên lạc được với các lực lượng và hỏa lực chi viện ở mặt đất và trên không. Bằng cách tiến công dũng mãnh và hiệp đồng tốt giữa các hướng, bộ đội ta đã chia cắt quân địch thành nhiều mảnh, «bám thắt lưng địch» mà diệt chúng. Trận đánh kéo dài ba giờ. Gần 2000 lính sư đoàn «anh cả đỏ» Mỹ bị thương hoặc bỏ xác tại trận, 30 xe tăng xe bọc thép bị phá hủy.

Sư đoàn 9 chủ lực Miền, tiểu đoàn Phú Lợi bộ đội địa phương Thủ Dầu Một, đội du kích xã An Điền (Bến Cát) đã nêu những lá cờ đầu diệt mỹ của lực lượng vũ trang ba thứ quân trên chiến trường Nam Bộ và cực nam Trung Bộ.

Cùng với Vạn Tường, PlâyMe, chiến thắng Bàu Bàng là một đòn phủ đầu choáng váng đối với quân Mỹ xâm

lược. Nó củng cố niềm tin thắng Mỹ, cổ vũ khí thế đánh Mỹ trên chiến trường, khẳng định tinh thần « dám đánh Mỹ sẽ tìm ra cách đánh thắng quân Mỹ ».

Mười ngày sau trận Bàu Bàng, tiểu đoàn 4 (trung đoàn 2) cắt rừng, vượt qua bãi bom B52, tiến công đoàn xe cơ giới Mỹ trên đoạn đường từ Cắm Xe tới Dầu Tiếng, phá hủy 20 xe tăng và xe bọc thép. Đại đội trưởng đại đội 2 Tạ Quang Tỹ dẫn đầu đơn vị chặn phía sau đoàn xe địch, dùng lựu đạn diệt hàng chục tên, được anh em quý mến tặng danh hiệu « đại đội trưởng khóa đuôi ».

Trong khi đó, tại khu vực Dầu Tiếng, kế hoạch chiến dịch tiến công sư đoàn 5 ngày tiếp tục được thực hiện. Ngày 27 tháng 11 năm 1965, trung đoàn 1 vận động tập kích vị trí đóng quân của trung đoàn 7 ngày trong rừng cao su làng 18, loại khỏi vòng chiến đấu trung đoàn này, diệt 1200 tên (có 25 tên Mỹ), bắt 100 tù binh, thu toàn bộ vũ khí.¹ Đây là lần đầu tiên chiến trường B2, một Trung đoàn chủ lực ta diệt một trung đoàn chủ lực ngày trong một trận đánh. Phát huy thắng lợi chiến dịch, trong những tháng cuối năm 1965, sư đoàn 9 đã sử dụng từng trung đoàn bộ binh tập kích làm thiệt hại nặng bốn tiểu đoàn (sư đoàn 1 bộ binh Mỹ) ở khu vực Long Nguyên, Nhà Mát.

Phong trào « tìm Mỹ mà đánh, tìm ngày mà diệt », « hợp đồng theo tiếng súng », « bám thắt lưng địch mà đánh » dâng lên sôi nổi trong các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và du kích xã ấp. Quân ủy, Bộ tư lệnh Miền đã đề ra các danh hiệu « dũng sĩ diệt Mỹ » (cấp ưu tú và cấp 1, 2, 3), « dũng sĩ diệt cơ giới », « dũng sĩ diệt máy bay », « đơn vị anh dũng diệt Mỹ »... nhằm khích lệ phong

1. Về đơn vị, ta diệt hai tiểu đoàn, sử chỉ huy trung đoàn, đánh thiệt hại nặng hai tiểu đoàn khác.

trào. Trong năm 1965, năm đầu trực tiếp chiến đấu với quân viễn chinh Mỹ, hàng chục đơn vị, hàng trăm cán bộ, chiến sĩ đã được tặng các danh hiệu vẻ vang này.

* * *

Đầu xuân năm 1966, Bác Hồ gửi thơ mừng đồng bào và chiến sĩ cả nước.

« Mừng miền Nam rục rủa chiến công
Nhiều Dầu Tiếng, Bàu Bàng, PlâyMe, Đà Nẵng ».

Thơ Bác đến với chiến trường B2 đúng lúc các đơn vị đang nhận nhiệm vụ không khí chuẩn bị, quyết đập tan cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất của quân Mỹ, là nguồn động viên to lớn đối với mỗi cán bộ, chiến sĩ.

Từ khi quân viễn chinh Mỹ nhảy vào chiến trường, cuộc chiến đấu ngày càng trở nên khàn trương, ác liệt, hầu như không còn thời gian xen kẽ dài ngày giữa hai trận chiến đấu để tập trung huấn luyện. Các đơn vị lại phải thường xuyên di chuyển để tránh máy bay oanh tạc và pháo địch. Có trận, trinh sát đi trước, bộ đội đi sau, nắm được tình hình, cán bộ lên phương án tại chỗ và có thời cơ là đánh luôn. Nhiều vấn đề mới xuất hiện do đặc điểm chiến trường xen kẽ, địch cơ động nhanh và thường phản kích tức khắc khi phát hiện bộ đội chủ lực ta; mặt khác, để đối phó với ta, chúng luôn luôn di chuyển, ngày ở một chỗ, đêm ở một chỗ, tránh bị ta tập kích bất ngờ...

Trong tình hình như vậy, bên cạnh tinh thần chủ động, dám đánh và quyết thắng rất cao, mỗi cán bộ, chiến sĩ trên chiến trường đều phải có khả năng ứng biến rất linh hoạt. Qua thực tiễn chiến đấu, Bộ tư lệnh Miền và các sư đoàn đã huấn luyện cán bộ chỉ huy, đặc biệt là cán bộ các đơn vị cơ sở nhiều phương án đánh địch, như chủ